

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **1394**/QĐ-BKHĐT

Hà Nội, ngày **14** tháng **10** năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Kế hoạch phát triển Chính phủ số và bảo đảm an toàn thông tin mạng năm 2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

BỘ TRƯỞNG BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29/6/2006;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 29/11/2005;

Căn cứ Luật An toàn thông tin mạng ngày 19/11/2015;

Căn cứ Luật An ninh mạng ngày 12/6/2018;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 86/2017/NĐ-CP ngày 25/7/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1433/QĐ-BKHĐT ngày 28/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Kiến trúc Chính phủ điện tử Bộ Kế hoạch và Đầu tư, phiên bản 2.0;

Căn cứ Quyết định số 1776/QĐ-BKHĐT ngày 07/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư phê duyệt Kế hoạch Chuyển đổi số tại Bộ Kế hoạch và Đầu tư giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1922/QĐ-BKHĐT ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư phê duyệt Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển Chính phủ số và bảo đảm an toàn thông tin mạng giai đoạn 2021-2025 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Công văn số 3570/BTTTT-THH ngày 16/9/2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương xây dựng Kế hoạch phát triển Chính phủ số, Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng năm 2022;

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Tin học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Kế hoạch phát triển Chính phủ số và bảo đảm an toàn thông tin mạng năm 2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

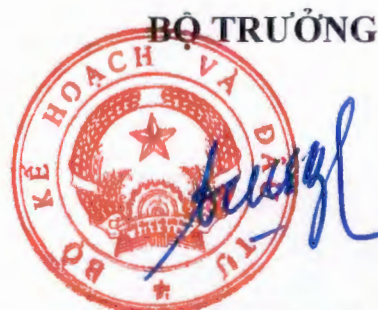
Điều 2. Giao Trung tâm Tin học chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện Kế hoạch phát triển Chính phủ số và bảo đảm an toàn thông tin mạng năm 2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Giám đốc Trung tâm Tin học, Chánh Văn phòng Bộ, Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Các đ/c Thứ trưởng (để chỉ đạo);
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Các đơn vị thuộc Bộ (bản điện tử);
- Lưu: VT, TTTH.

03



Nguyễn Chí Dũng

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN CHÍNH PHỦ SỐ VÀ BẢO ĐẢM AN TOÀN THÔNG TIN MẠNG NĂM 2022 CỦA BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

(Kèm theo Quyết định số **1394** /QĐ-BKHĐT
 ngày **14** tháng **10** năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)



Phần I

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2021

Căn cứ kết quả thực hiện các nhiệm vụ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch năm 2021 như sau:

I. MÔI TRƯỜNG PHÁP LÝ

Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã triển khai việc xây dựng, hoàn thiện thể chế tạo cơ sở pháp lý cho việc triển khai, xây dựng phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số, cụ thể:

1. Xây dựng, ban hành các văn bản là cơ sở pháp lý cho việc phát triển, triển khai xây dựng phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số

- Xây dựng chương trình hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số giai đoạn 2021-2025 (ban hành tại Quyết định số 12/QĐ-BKHĐT ngày 12/01/2021).

- Tổ chức xây dựng Quy chế bảo đảm an toàn, an ninh mạng của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Tổ chức xây dựng Quy chế khai thác, sử dụng dữ liệu chia sẻ tại Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Tổ chức xây dựng danh mục và kế hoạch triển khai cung cấp dữ liệu mở.

- Tổ chức xây dựng Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển Chính phủ số và bảo đảm an toàn thông tin mạng năm 2022.

- Quy chế quản lý, sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ tại Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Quyết định số 603/QĐ-BKHĐT ngày 12/5/2021).

- Kế hoạch chuyển đổi IPv6 cho hệ thống công nghệ thông tin của Bộ Kế hoạch và Đầu tư giai đoạn 2021-2025 (ban hành tại Quyết định số 903/QĐ-BKHĐT ngày 05/7/2021).

- Kế hoạch triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 năm 2021 (ban hành tại Quyết định số 991/QĐ-BKHĐT ngày 19/7/2021).

- Kiện toàn tổ chức, nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo Chính phủ điện tử Bộ Kế hoạch và Đầu tư (ban hành tại Quyết định số 529/QĐ-BKHĐT ngày 27/4/2021).

- Ban hành danh mục mã định danh điện tử của các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương (Quyết định số 522/QĐ-BKHĐT ngày 22/04/2021).

- Kế hoạch của Bộ Kế hoạch và Đầu tư thực hiện Quyết định số 2289/QĐ-TTg ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược quốc gia về Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đến năm 2030 (Quyết định số 183/QĐ-BKHĐT ngày 22/02/2021).

2. Chủ trì xây dựng các văn bản tạo cơ sở pháp lý cho việc phát triển, triển khai xây dựng phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số trong từng lĩnh vực

a) Lĩnh vực đấu thầu:

Ban hành các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thực hiện đấu thầu qua mạng:

- Thông tư 06/2021/TT-BKHĐT ngày 30/09/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết việc thu, nộp, quản lý và sử dụng các chi phí về đăng ký, đăng tải thông tin, lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, Báo Đấu thầu;

- Hoàn thiện dự thảo Thông tư quy định chi tiết về lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

- Dự thảo Thông tư hướng dẫn chi tiết lựa chọn nhà đầu tư dự án PPP, dự án đầu tư có sử dụng đất;

- Dự thảo, chỉnh sửa Luật Đấu thầu.

b) Lĩnh vực thống kê

- Xây dựng, sửa đổi và bổ sung các quy chế, quy định về công nghệ thông tin quản lý tại Tổng cục Thống kê: đang dự thảo, dự kiến ban hành trong quý IV năm 2021.

- Xây dựng chương trình chuyển đổi số ngành Thống kê: lồng ghép vào dự thảo Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

c) Lĩnh vực đăng ký doanh nghiệp

Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp; Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp.

d) Lĩnh vực giám sát đầu tư

Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư.

đ) Lĩnh vực đầu tư

Nghị định 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

e) Lĩnh vực đầu tư công

Tổ chức xây dựng Nghị định của Chính phủ quy định cơ chế quản lý đối với chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị định sửa đổi bổ sung Nghị định số 56/2020/NĐ-CP ngày 25/5/2020 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức ODA và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài.

II. HẠ TẦNG KỸ THUẬT

- Duy trì hoạt động ổn định, an toàn hạ tầng kỹ thuật dùng chung của Bộ: Hệ thống mạng, Trung tâm dữ liệu, Hệ thống lưu trữ, Hệ thống bảo mật, nền tảng tích hợp chia sẻ dữ liệu,...Đối với máy tính trong Bộ:

+ Tỷ lệ trung bình máy tính/CBCC: 100%

+ Tỷ lệ các cơ quan trực thuộc có LAN, kết nối Internet tốc độ cao, kết nối WAN: 100%.

+ Tỷ lệ máy tính của CBCC được kết nối mạng không dây: 100%

- Đã xây dựng Kế hoạch và đang tổ chức thực hiện việc chuyển đổi hệ thống công nghệ thông tin của Bộ sang ứng dụng địa chỉ giao thức Internet thế hệ mới (IPv6).

- Tổ chức triển khai Kiến trúc Chính phủ điện tử của Bộ phiên bản 2.0 đã được ban hành tại Quyết định số 1433/QĐ-BKHĐT ngày 28/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Tiếp tục quản lý, vận hành Trung tâm điều hành thử nghiệm của Bộ theo Quyết định số 1770/QĐ-BKHĐT ngày 07/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành quy chế quản lý, vận hành, tích hợp, cập nhật dữ liệu và khai thác sử dụng Trung tâm điều hành của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; sử dụng Trung tâm điều hành hỗ trợ các cuộc họp trực tuyến đối với 174 cuộc họp, trong đó 113 cuộc họp quốc tế, làm việc với đối tác nước ngoài, 08 cuộc họp Chính Phủ, 05 cuộc họp Đảng ủy cơ quan Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Tiếp tục quản lý, vận hành Trục tích hợp, chia sẻ dữ liệu của Bộ: Thực hiện kết nối với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP); chia sẻ thông tin, dữ liệu với Bộ, ngành, địa phương khác; chia sẻ thông tin giữa các hệ thống thông tin của Bộ.

- Tiếp tục quản lý, vận hành hệ thống mạng liên thông giữa hệ thống mạng của Bộ với các hệ thống mạng của các cơ quan qua mạng truyền số liệu chuyên dùng của cơ quan Đảng, Chính phủ: Kết nối hệ thống Hội nghị truyền hình Chính phủ; Kết nối trực liên thông văn bản quốc gia (VDXP); Kết nối mạng CPNET; Kết nối hệ thống mạng NDXP; kết nối hệ thống mạng với Bộ, ngành, địa phương khác.

- Khắc phục sự cố, bảo trì, bảo dưỡng, cài đặt cấu hình, sửa chữa, thay thế thiết bị, linh kiện máy tính, máy in góp phần đảm bảo trang thiết bị, phương tiện làm việc cho các đơn vị thuộc Bộ.

- Triển khai ứng dụng điện toán đám mây tại Bộ: ứng dụng hệ thống điện toán đám mây của Bộ để triển khai các ứng dụng tại Trung tâm điều hành thử nghiệm, Hệ thống thông tin quốc gia về quy hoạch thử nghiệm.

- Tiếp tục triển khai ứng dụng chữ ký số chuyên dùng Chính phủ cho các hệ thống thông tin và thiết bị di động, cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc Bộ: 100% các đơn vị được cấp chứng thư số, 100% Lãnh đạo Bộ và Lãnh đạo đơn vị được cấp chứng thư số.

III. CÁC HỆ THỐNG NỀN TẢNG

1. Xây dựng và duy trì hoạt động hệ thống tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP)

- Bộ đã triển khai xây dựng Trục tích hợp và chia sẻ dữ liệu của Bộ: Là nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp Bộ, chứa các dịch vụ dùng chung để chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin của các đơn vị thuộc Bộ, ngành và đóng vai trò trung gian phục vụ kết nối các hệ thống thông tin trong nội bộ của Bộ, ngành với các hệ thống bên ngoài; mô hình kết nối của LGSP theo Kiến trúc Chính phủ điện tử của Bộ và phù hợp Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam.

- LGSP của Bộ đã kết nối với NDXP để cung cấp các dịch vụ chia sẻ dữ liệu: Hệ thống thông tin đầu tư nước ngoài. Ngoài ra, Trục tích hợp và chia sẻ dữ liệu của Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp đã được xây dựng và triển khai kết nối với NDXP từ năm 2018. Đến nay, dữ liệu về đăng ký doanh nghiệp đã được chia sẻ qua NDXP với hệ thống thông tin của 11 Bộ, ngành và Hệ thống thông tin một cửa điện tử của 45 tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương. Ngoài ra, dữ liệu về đăng ký doanh nghiệp và các dịch vụ công về đăng ký doanh nghiệp cấp độ 4 cũng đã được chia sẻ và tích hợp với Cổng Dịch vụ công Quốc gia.

2. Các hệ thống nền tảng đặc thù, dùng chung cho các ứng dụng của ngành

- Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia (CSDLQG) về đầu tư công được xây dựng, triển khai thống nhất trên phạm vi cả nước phục vụ cho hoạt động quản lý nhà nước về đầu tư công, bao gồm việc tổng hợp, báo cáo, giao, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm; theo dõi, đánh giá chương trình, dự án đầu tư công; quản lý, lưu trữ, công khai dữ liệu theo quy định. CSDLQG về đầu tư công là tập hợp thông tin cơ bản về chương trình, dự án và kế hoạch đầu tư công được xây dựng, cập nhật, duy trì để quản lý, khai thác và sử dụng thông qua các phương tiện điện tử.

- Hệ thống thông tin về giám sát, đánh giá đầu tư: là hệ thống được triển khai trên toàn quốc, tập trung tại Bộ Kế hoạch và Đầu tư để cập nhật, lưu trữ thông tin, giám sát, đánh giá, phân tích, công khai thông tin theo quy định về các chương trình, dự án đầu tư trên toàn quốc.

- Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp: là hệ thống thông tin nghiệp vụ chuyên môn về đăng ký doanh nghiệp để gửi, nhận, lưu trữ, hiển thị hoặc thực hiện các nghiệp vụ khác đối với dữ liệu để phục vụ công tác đăng ký doanh nghiệp. CSDLQG về đăng ký doanh nghiệp là tập hợp dữ liệu về đăng ký doanh nghiệp trên phạm vi toàn quốc.

- Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã: là hệ thống thông tin nghiệp vụ chuyên môn về đăng ký hợp tác xã, để gửi, nhận, lưu trữ, hiển thị hoặc thực hiện các nghiệp vụ khác đối với dữ liệu hợp tác xã để phục vụ công tác đăng ký hợp tác xã. Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã đã chính thức được triển khai trên toàn quốc từ ngày 28/5/2019 để thực hiện thủ tục cấp đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và các đơn vị trực thuộc.

- Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư: là hệ thống thông tin nghiệp vụ chuyên môn để theo dõi, đánh giá, phân tích tình hình đầu tư trên phạm vi cả nước nhằm phục vụ công tác quản lý nhà nước và hỗ trợ nhà đầu tư trong việc thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh. CSDLQG về đầu tư là tập hợp dữ liệu về các dự án đầu tư trên phạm vi toàn quốc có kết nối với hệ thống CSDL của các cơ quan liên quan.

- Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia: là hệ thống thông tin, nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu để quản lý thống nhất thông tin về lựa chọn nhà thầu, lựa chọn nhà đầu tư và thực hiện lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư qua mạng. Hệ thống gồm CSDLQG về đấu thầu là tập hợp thông tin liên quan hoạt động đấu thầu được xây dựng, cập nhật và duy trì để lưu trữ thông tin về đấu thầu, phục vụ: quản lý và chia sẻ, sử dụng chung giữa các cơ quan nhà nước.

- Hệ thống thông tin và CSDLQG về quy hoạch được xây dựng theo kiến trúc một cổng thông tin điện tử kết nối giữa các bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trên môi trường mạng, phù hợp với Khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam; phục vụ công tác lập quy hoạch, lấy ý kiến về quy hoạch, công bố, cung cấp thông tin về quy hoạch; giám sát, đánh giá quá trình thực hiện quy hoạch. Thông tin và CSDL được thu thập để xây dựng hệ thống thông tin và CSDLQG về quy hoạch bao gồm: CSDL hồ sơ quy hoạch; CSDL chuyên ngành; CSDL nền địa lý quốc gia được chuẩn hóa và cập nhật thường xuyên; Thông tin và CSDL về quy hoạch khác.

- Hệ thống thông tin quốc gia về phát triển doanh nghiệp đang được triển khai với hai mảng việc chính bao gồm: hỗ trợ thông tin cho doanh nghiệp nhỏ và vừa theo Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; công bố thông tin doanh nghiệp nhà nước theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

IV. PHÁT TRIỂN DỮ LIỆU

1. Cơ sở dữ liệu quốc gia

- CSDLQG về đăng ký doanh nghiệp²: là tập hợp dữ liệu về đăng ký doanh nghiệp trên phạm vi toàn quốc; thông tin trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và tình trạng pháp lý của doanh nghiệp lưu trữ tại CSDLQG về đăng ký doanh nghiệp có giá trị pháp lý là thông tin gốc về doanh nghiệp. CSDLQG về đăng ký doanh nghiệp hiện đang lưu trữ thông tin về đăng ký doanh nghiệp của hơn 2,1 triệu doanh nghiệp và đơn vị trực thuộc.

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã có Công văn số 6013/BKHĐT-TTTH ngày 14/9/2020 đăng ký, đề xuất CSDL trình Chính phủ ban hành danh mục CSDLQG trong đó thuyết minh đăng ký 06 CSDL do Bộ Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan chủ quản vào danh mục CSDLQG, bao gồm:

- + CSDLQG về đăng ký doanh nghiệp.
- + CSDLQG về đầu tư.
- + CSDLQG về đấu thầu.
- + CSDLQG về đầu tư công.
- + CSDLQG về quy hoạch.
- + CSDLQG về doanh nghiệp nhà nước.

2. Cơ sở dữ liệu (CSDL) chuyên ngành

Ngoài danh mục CSDLQG nêu trên, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đang xây dựng và quản lý các CSDL chuyên ngành khác, trong đó, các CSDL phục vụ chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các CSDL khác:

- CSDL phân tích và dự báo kinh tế xã hội.
- CSDL về đăng ký hợp tác xã: là tập hợp dữ liệu về đăng ký hợp tác xã trên phạm vi toàn quốc.
- CSDL thống kê về Tổng điều tra và điều tra thống kê: là tập hợp thông tin, dữ liệu về Tổng điều tra và điều tra thống kê.
- CSDL về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa: là tập hợp dữ liệu về các thông tin cơ bản của doanh nghiệp nhỏ và vừa nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng báo cáo và xây dựng chính sách pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa và phục vụ lợi ích xã hội.
- CSDL về khu công nghiệp, khu kinh tế: là tập hợp thông tin, dữ liệu về khu công nghiệp, khu kinh tế.
- CSDL về giám sát, đánh giá đầu tư: là tập hợp dữ liệu, thông tin về các chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước trên toàn quốc được cập nhật, lưu trữ phục vụ việc giám sát, đánh giá, phân tích, công khai thông tin theo quy định.

² CSDL quốc gia tại QĐ 942/QĐ-TTg và QĐ 714/QĐ-TTg

V. CÁC ỨNG DỤNG, DỊCH VỤ

1. Hiện trạng ứng dụng, dịch vụ công nghệ thông tin phục vụ hoạt động nội bộ của cơ quan nhà nước

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư triển khai có hiệu quả các Hệ thống trong hoạt động nội bộ phục vụ công tác chỉ đạo, quản lý và điều hành, 100% các đơn vị thuộc Bộ ứng dụng các Hệ thống: Hệ thống Quản lý thông tin tổng thể; Hệ thống Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc; Hệ thống theo dõi tình hình thực hiện các nhiệm vụ; Hệ thống Lưu trữ điện tử; Hệ thống Thư điện tử; Ứng dụng chữ ký số; Phần mềm Quản lý tiền lương; Phần mềm Quản lý cán bộ, công chức, viên chức.

- Ứng dụng hiệu quả việc điều hành qua mạng trên Hệ thống Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc: Thực hiện gửi, nhận văn bản điện tử; phân xử lý văn bản, tạo hồ sơ điện tử, thực hiện quy trình trình ký điện tử; ứng dụng chữ ký số trong xử lý công việc qua mạng; sử dụng ứng dụng trên thiết bị di động, ký số trên thiết bị di động sử dụng SIM CA; duy trì kết nối, liên thông với Trục liên thông văn bản Quốc gia. Tổng số văn bản trao đổi điện tử giữa cơ quan nhà nước của Bộ trong năm 2021 là 305.954 văn bản. Tỷ lệ văn bản trao đổi giữa cơ quan nhà nước của Bộ hoàn toàn dưới dạng điện tử là 100%.

- Hoàn thành xây dựng Trung tâm điều hành thử nghiệm của Bộ: Trung tâm điều hành thử nghiệm được kết nối đến các hệ thống thông tin, CSDL sẵn có của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, bao gồm: Hệ thống thông tin và CSDLQG về đăng ký doanh nghiệp; Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư nước ngoài; Hệ thống thông tin về đầu tư công; Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia; Hệ thống thông tin về giám sát, đầu tư; Hệ thống CSDL thống kê quốc gia; CSDL theo dõi nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao;... để hỗ trợ việc chỉ đạo điều hành, họp trực tuyến của Bộ.

2. Hiện trạng hoạt động ứng dụng, dịch vụ công nghệ thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp

a) Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính

Cổng dịch vụ công trực tuyến và một cửa điện tử của Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã được triển khai, có địa chỉ tại <https://dichvucong.mpi.gov.vn> và <https://motcua.mpi.gov.vn> bao gồm đầy đủ chức năng, tính năng kỹ thuật theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và Quyết định 985/QĐ-TTg ngày 08/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính. Đã hoàn thành việc kết nối, liên thông Cổng Dịch vụ công của Bộ với Cổng dịch vụ công quốc gia ở tất cả các nội dung theo hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ.

Xây dựng và triển khai thử nghiệm Hệ thống tiếp nhận và xử lý phản ánh kiến nghị của Bộ, thực hiện tích hợp với Cổng Dịch vụ công quốc gia theo hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ.

Ngoài ra việc giải quyết thủ tục hành chính còn thực hiện trên các Hệ thống thông tin chuyên ngành của Bộ như: Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư, Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Các hệ thống này đều đã/đang thực hiện việc kết nối với Cổng Dịch vụ công của Bộ và Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Tổng số dịch vụ công trực tuyến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư là 231 dịch vụ công, cụ thể như sau:

STT	Nội dung	Số lũy kế từ đầu năm đến thời điểm báo cáo
1	Tổng số dịch vụ công trực tuyến	231
2	Tổng số hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính	512.218
3	Số dịch vụ công mức 3	6
4	Số dịch vụ công mức 3 phát sinh hồ sơ trực tuyến	4
5	Số lượng hồ sơ xử lý trực tuyến mức độ 3	6.138
6	Số dịch vụ công mức 4	50
7	Số dịch vụ công mức 4 phát sinh hồ sơ trực tuyến	50
8	Số lượng hồ sơ xử lý trực tuyến mức độ 4	404.971
9	Tổng số DVCTT mức độ 3 được tích hợp lên Cổng Dịch vụ công quốc gia	5
10	Tổng số DVCTT mức độ 4 được tích hợp lên Cổng Dịch vụ công quốc gia	40

b) Cung cấp thông tin trên Cổng thông tin điện tử của Bộ

Cung cấp đầy đủ thông tin trên Cổng thông tin điện tử của Bộ theo quy định của Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước; Luật phổ biến, giáo dục pháp luật, Luật tiếp cận thông tin, Luật tiếp công dân; Thông tư 14/2014/TT-BKHHCN ngày 11/6/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ về quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ... Tổng số viết 803 tin, bài; 225 tin ảnh (2.429 ảnh); 1.530 tin bài thu thập từ nguồn thông tin khác; 430 văn bản (văn bản QPPL, văn bản chỉ đạo điều hành, báo cáo kinh tế - xã hội...); 73 tin bài dịch, báo cáo...

c) Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác đấu thầu

- Ứng dụng các giải pháp xác thực, mã hóa dữ liệu sử dụng hệ thống chứng thực chữ ký số chuyên dùng trong nghiệp vụ đấu thầu.

- Số hóa dữ liệu hồ sơ mời thầu, hồ sơ dự thầu trong quy trình lựa chọn nhà thầu qua mạng.

- Sử dụng các giải pháp công nghệ truyền tải dữ liệu tốc độ cao, lưu trữ dữ liệu lớn, hạ tầng ảo hóa trong Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

- Ứng dụng đào tạo, sát hạch qua hệ thống công nghệ thông tin trong công tác đào tạo, cấp chứng chỉ về đấu thầu.

- Cung cấp các ấn phẩm báo đấu thầu điện tử.

- Chuyển đổi công tác quản lý, phê duyệt hồ sơ sử dụng chữ ký số, qua mạng trong công tác đấu thầu.

- Giám sát, quản lý hệ thống tập trung.

d) Ứng dụng công nghệ thông tin trong đăng ký doanh nghiệp

Các ứng dụng của Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp bao gồm các chức năng, tính năng kỹ thuật đáp ứng đầy đủ các quy định về đăng ký doanh nghiệp tại Luật Doanh nghiệp 2020, Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp và Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp, cụ thể:

- *Ứng dụng phục vụ công tác quản lý về đăng ký doanh nghiệp:*

- + Ứng dụng đăng ký doanh nghiệp lõi: Phục vụ đối tượng người sử dụng là cán bộ các Phòng Đăng ký kinh doanh tại địa phương thực hiện các nghiệp vụ về đăng ký doanh nghiệp, bao gồm các ứng dụng: Ứng dụng đăng ký doanh nghiệp lõi, Dịch vụ web (web service) trao đổi thông tin theo thời gian thực với hệ thống thông tin của Tổng cục Thuế để cấp mã số doanh nghiệp và cập nhật tình trạng hoạt động của doanh nghiệp.

- + Ứng dụng quản lý doanh nghiệp sau đăng ký thành lập: Phục vụ đối tượng người sử dụng là cán bộ các Phòng Đăng ký kinh doanh tại địa phương và các cơ quan quản lý nhà nước liên quan thực hiện công tác giám sát hoạt động của doanh nghiệp sau đăng ký thành lập.

- + Ứng dụng báo cáo quản trị: Phục vụ đối tượng người sử dụng là cán bộ Cục Quản lý đăng ký kinh doanh và cán bộ các Phòng Đăng ký kinh doanh tại địa phương thực hiện công tác báo cáo, tổng hợp, thống kê và phân tích dữ liệu về đăng ký doanh nghiệp. Ngoài ra, dữ liệu được xử lý qua các ứng dụng này cũng được chia sẻ với các hệ thống thông tin của các cơ quan quản lý nước khác thông qua NDXP và VDXP.

- *Ứng dụng phục vụ cộng đồng và doanh nghiệp:*

Để tạo sự thuận tiện cho người dân và doanh nghiệp trong quá trình thành lập doanh nghiệp và gia nhập thị trường, Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp đã được xây dựng và triển khai từ năm 2014. Tính đến ngày

30/9/2021, đã có hơn 870 triệu lượt truy cập với bình quân hơn 10 triệu lượt người truy cập mỗi tháng.

Các ứng dụng dịch vụ công qua mạng điện tử: Phục vụ đối tượng người sử dụng là người dân và doanh nghiệp truy cập các dịch vụ công về đăng ký doanh nghiệp qua Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp tại địa chỉ <https://dangkykinhdoanh.gov.vn>, bao gồm các ứng dụng: Ứng dụng đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử, Ứng dụng xử lý liên thông đăng ký đầu tư và đăng ký doanh nghiệp, Ứng dụng dịch vụ thông tin, Ứng dụng công bố thông tin về đăng ký doanh nghiệp, Ứng dụng hỗ trợ dự thảo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, ứng dụng thanh toán qua mạng điện tử, Ứng dụng quản trị nội dung Cổng thông tin, Ứng dụng tra cứu tên doanh nghiệp,...

Ngoài ra, hầu hết các thủ tục hành chính tại Quyết định số 855/QĐ-BKHĐT ngày 30/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về công bố thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ, hủy bỏ, hủy công khai trong lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư đều có thể được thực hiện ở cấp độ 4 trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và Cổng Dịch vụ công Quốc gia. Tính đến ngày 05/10/2021, tỷ lệ doanh nghiệp đăng ký qua mạng thông tin điện tử trên toàn quốc đạt 90%, trong đó riêng thành phố Hà Nội đạt 98% và thành phố Hồ Chí Minh đạt 90%.

d) Ứng dụng công nghệ thông tin trong đăng ký hợp tác xã

Phục vụ đối tượng người sử dụng là cán bộ Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư và Phòng Tài chính kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân quận, huyện trên phạm vi toàn quốc thực hiện các nghiệp vụ về đăng ký hợp tác xã, bao gồm các ứng dụng: Ứng dụng đăng ký hợp tác xã; Dịch vụ trao đổi thông tin theo thời gian thực với hệ thống thông tin của Tổng cục Thuế để cấp mã số hợp tác xã và cập nhật tình trạng hoạt động của hợp tác xã.

e) Ứng dụng công nghệ thông tin trong đăng ký đầu tư

Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư đã được Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng và đưa vào vận hành từ 01/7/2015 và đã được chỉnh sửa, nâng cấp nhiều lần để đáp ứng yêu cầu thực tiễn và các quy định mới của Luật Đầu tư. Hệ thống có địa chỉ tại <https://vietnaminvest.gov.vn> và <https://fdi.gov.vn> bao gồm đầy đủ chức năng, tính năng kỹ thuật theo quy định tại Luật Đầu tư năm 2020 và Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật đầu tư. Hệ thống đã cung cấp dịch vụ công cấp độ 3 đối với các thủ tục đầu tư vào Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và đã hoàn thành việc kết nối, liên thông với Cổng dịch vụ công quốc gia đối với thủ tục đăng ký, điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài.

g) Ứng dụng công nghệ thông tin trong phát triển doanh nghiệp

Hệ thống thông tin quốc gia về phát triển doanh nghiệp đang được triển khai với hai mảng việc chính bao gồm, thứ nhất là hỗ trợ thông tin cho doanh nghiệp nhỏ và vừa theo Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, thứ hai là công bố thông tin doanh nghiệp nhà nước theo quy định Luật Doanh nghiệp.

3. Hiện trạng hoạt động ứng dụng, dịch vụ công nghệ thông tin phục vụ chuyên ngành

a) Ứng dụng công nghệ thông tin trong đầu tư công

Bộ đã triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong đầu tư công trên Hệ thống thông tin và CSDLQG về đầu tư công.

Hệ thống đã tin học hóa các quy trình về lập, tổng hợp, điều chỉnh kế hoạch trung hạn, kế hoạch hằng năm và việc báo cáo tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công, đã đồng bộ dữ liệu giải ngân hằng ngày từ hệ thống TABMIS của Kho bạc Nhà nước. Việc triển khai Hệ thống này đã hỗ trợ các bộ ngành trung ương và địa phương trong việc cập nhật nhu cầu, dự kiến kế hoạch trực tuyến trên Hệ thống nhằm đảm bảo thống nhất, giảm thiểu sai sót và công khai, minh bạch thông tin, thuận tiện cho việc tổng hợp, báo cáo. Hỗ trợ các đơn vị trong Bộ trong việc rà soát, tổng hợp thông tin theo các tiêu chí đưa ra, hỗ trợ tổng hợp, các biểu mẫu báo cáo các cấp thẩm quyền theo quy định đều được in trực tiếp từ Hệ thống.

Về cơ sở dữ liệu đã hình thành cơ sở dữ liệu của các dự án đã được giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2016-2020 và các dự án dự kiến trong giai đoạn 2021-2025 trên toàn quốc phục vụ việc lập, tổng hợp và xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

Trong năm 2021 đã xây dựng 44 chức năng và 160 báo cáo bổ sung trong Hệ thống; hỗ trợ tin học hóa các quy trình về đầu tư công như:

- Lập, tổng hợp, giao kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;
- Lập, tổng hợp, giao kế hoạch đầu tư công hằng năm nguồn ngân sách nhà nước năm 2022.

Về việc triển khai Hệ thống: đã xây dựng tài liệu hướng dẫn sử dụng và hỗ trợ hơn 2.000 lượt yêu cầu hỗ trợ của người sử dụng trên toàn quốc.

Hệ thống đã cấp tài khoản cho Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ, Bộ Tài chính để theo dõi các số liệu trong quá trình tổng hợp kế hoạch.

Hiện nay, do một số quy trình đã có sự thay đổi theo quy định tại Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019 và Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công nên Bộ đang trong quá trình tổ chức xây dựng Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về đầu tư công mới để đáp ứng các quy định này và triển khai thống nhất trên toàn quốc.

b) Ứng dụng công nghệ thông tin trong giám sát và đánh giá đầu tư

Bộ đã triển khai Hệ thống thông tin về giám sát, đánh giá đầu tư để triển khai việc báo cáo giám sát đánh giá đầu tư trực tuyến trên toàn quốc từ năm 2016. 100% các Bộ, ngành trung ương và các địa phương đã sử dụng Hệ thống để báo cáo trực tuyến gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư; qua đó, Bộ đã thực hiện tổng hợp trên toàn quốc để báo cáo về giám sát đầu tư. Hệ thống này đã và đang được triển khai đến chủ đầu tư của các dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước để báo cáo tình hình thực hiện dự án, đồng thời triển khai việc đăng ký tài khoản trực tuyến. Tính đến nay, đã có trên 35.000 dự án đã báo cáo trên Hệ thống. Chi tiết tình hình báo cáo được Bộ Kế hoạch và Đầu tư công khai trên Cổng thông tin quốc gia về giám sát và đánh giá đầu tư tại địa chỉ <http://giamsatdautuquocgia.mpi.gov.vn>.

c) Ứng dụng công nghệ thông tin trong quy hoạch

Xây dựng thử nghiệm Hệ thống thông tin và CSDLQG về quy hoạch để công khai các thông tin liên quan về quy hoạch. Trong giai đoạn tiếp theo, tiếp tục nghiên cứu, xây dựng Hệ thống để phù hợp theo quy định tại Luật Quy hoạch và triển khai, vận hành thống nhất trên phạm vi cả nước phục vụ cho hoạt động quy hoạch, bao gồm hồ sơ quy hoạch, các dữ liệu về tự nhiên, kinh tế - xã hội, môi trường, biến đổi khí hậu, quốc phòng, an ninh gắn với hệ thống cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia đã được chuẩn hóa và cập nhật thường xuyên.

d) Ứng dụng công nghệ thông tin trong thống kê

Các giai đoạn trong quy trình sản xuất thông tin thống kê từng bước được tin học hóa. Giai đoạn thu thập thông tin đã được tin học hóa hoàn toàn, cụ thể: ứng dụng phiếu điều tra điện tử (sử dụng công nghệ web-form và CAPI) thay thế phiếu giấy; công tác giám sát thu thập cũng đã đạt hiệu quả cao nhờ các phần mềm quản lý, giám sát điều tra. Các giai đoạn xử lý và tổng hợp dữ liệu thu thập được trong quy trình cũng được thực hiện thông qua các ứng dụng phần mềm, góp phần nâng cao hiệu suất công việc.

Bộ đã xây dựng hệ thống kết nối thu nhận báo cáo và dữ liệu hành chính từ bộ, ngành và địa phương phục vụ công tác thống kê, cụ thể: phần mềm gửi nhận báo cáo thống kê theo Chế độ báo cáo thống kê từ các bộ, ngành và phần mềm thu thập thông tin từ chế độ báo cáo Cục Thống kê; hệ thống công nghệ thông tin kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa Tổng cục Thống kê và Tổng cục Thuế.

Cơ sở dữ liệu ngành Thống kê đang được xây dựng để phục vụ tích hợp dữ liệu thống kê từ các nguồn thu thập chính, qua đó, cung cấp nguồn số liệu thống kê tổng hợp các lĩnh vực kinh tế - xã hội phục vụ công tác điều hành, chỉ đạo và chia sẻ, khai thác.

đ) Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác báo cáo

Triển khai Hệ thống thông tin báo cáo thử nghiệm của Bộ với kết quả như sau:

- Thực hiện nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến năm 2025: Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã hoàn thành việc kết nối Hệ thống thông tin báo cáo của Bộ với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ.

- Thực hiện nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 293/QĐ-TTg ngày 24/02/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ: Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã điện tử hóa các biểu mẫu theo Quyết định số 293/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và đang triển khai cung cấp thông tin, số liệu để phục vụ chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng chính phủ và Lãnh đạo Bộ. Theo đó, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có 101 chỉ tiêu gồm 259 báo cáo, đã cung cấp dữ liệu 59 báo cáo thuộc 40 chỉ tiêu.

- Thực hiện các chỉ tiêu cụ thể năm 2021 tại Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2021 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2021: Bộ Kế hoạch và Đầu tư đang trong quá trình điện tử hóa các biểu mẫu báo cáo thuộc Quyết định số 778/QĐ-BKHĐT ngày 17/6/2021 của Bộ trưởng Kế hoạch và Đầu tư công bố danh mục chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

VI. NGUỒN NHÂN LỰC

Số lượng cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin của Bộ Kế hoạch và Đầu tư như sau:

STT	Tên đơn vị	Số cán bộ chuyên trách CNTT	Trong đó:		
			Thạc sỹ	Đại học	Cán bộ có chứng chỉ về Quản trị CSDL, Quản trị mạng,..
	Tổng cộng	142	24	118	7
1	Trung tâm Tin học	31	6	25	02
2	Tổng cục Thống kê (chưa bao gồm 63 cán bộ chuyên trách CNTT tại 63 Cục Thống kê)	86	12	74	
3	Cục Quản lý đấu thầu	10	03	07	
4	Cục Quản lý đăng ký kinh doanh	08		08	04
5	Cục Phát triển doanh nghiệp	03	02	01	
6	Cục Đầu tư nước ngoài	1		1	

STT	Tên đơn vị	Số cán bộ chuyên trách CNTT	Trong đó:		
			Thạc sỹ	Đại học	Cán bộ có chứng chỉ về Quản trị CSDL, Quản trị mạng,..
	Tổng cộng	142	24	118	7
7	Trường Cao Đẳng Kinh tế - Kế hoạch Đà Nẵng	3	01	02	01

VII. AN TOÀN THÔNG TIN

1. Tình hình xây dựng, cập nhật các Kế hoạch, quy chế, quy định về bảo đảm an toàn thông tin trong hoạt động của cơ quan

- Quy chế bảo đảm an toàn, an ninh mạng của Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã được Bộ xây dựng và ban hành tại Quyết định số 1108/QĐ-BKH ngày 27/8/2008. Để cập nhật các quy định mới, hiện nay Bộ đang trong quá trình tổ chức xây dựng Quy chế để thay thế cho Quy chế đã được ban hành.

- Đã ban hành Quy chế quản lý, sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ tại Bộ Kế hoạch và Đầu tư để thay thế cho Quy chế cũ, cập nhật các quy định mới theo quy định tại Thông tư số 185/2019/TT-BQP ngày 04/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hướng dẫn việc cung cấp, quản lý, sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ (Quyết định số 603/QĐ-BKHĐT ngày 12/5/2021).

2. Tình hình thực thi bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ

- Số lượng hệ thống thông tin thuộc phạm vi quản lý: 45.
- Số lượng hệ thống thông tin đã được phê duyệt cấp độ: 45/45, đạt 100%.
- Phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ:
 - + Hệ thống thông tin dùng chung của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (bao gồm nhiều Hệ thống thành phần): cấp độ 3.
 - + Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia: cấp độ 4.
 - + Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp: cấp độ 4.
 - + Hệ thống thông tin về Thống kê: cấp độ 3.
- Hiện trạng tổ chức triển khai phương án bảo đảm an toàn thông tin đã được phê duyệt tại Phụ lục I kèm theo

3. Tình hình triển khai Trung tâm giám sát, điều hành, an toàn, an ninh mạng (SOC)

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã triển khai Trung tâm giám sát, điều hành, an toàn, an ninh mạng (SOC), hiện đang triển khai nâng cấp, đầu tư để đáp ứng các quy định mới về giám sát, điều hành, an toàn, an ninh mạng theo quy định tại Luật An toàn thông tin mạng và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan.

- Khả năng đáp ứng bảo đảm an toàn cho các hệ thống thông tin: đảm bảo giám sát, an toàn thông tin mạng theo quy định tại Luật An toàn thông tin mạng và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan.

- Đã triển khai hệ thống phòng chống mã độc quản lý tập trung và thực hiện kết nối chia sẻ thông tin mã độc và thông tin giám sát an toàn an ninh mạng với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia (Cục An toàn thông tin).

4. Tình hình triển khai bảo đảm an toàn, an ninh mạng theo mô hình 4 lớp

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã có Văn bản số 3173/BKHĐT-TTTH ngày 18/5/2020 về việc tổ chức triển khai bảo đảm an toàn thông tin cho hệ thống thông tin theo mô hình “4 lớp”, cụ thể việc tổ chức triển khai bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo mô hình “4 lớp” như sau:

- “Lớp 1” - Lực lượng tại chỗ: Các đơn vị quản lý, vận hành các hệ thống thông tin chỉ định, kiện toàn bộ phận về ATTT để tổ chức thực thi các quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh mạng.

- “Lớp 2” - Tổ chức hoặc thuê doanh nghiệp giám sát, bảo vệ chuyên nghiệp:

+ Trung tâm Tin học chủ trì tổ chức triển khai hệ thống giám sát an toàn thông tin tập trung của Bộ theo hướng dẫn tại Thông tư số 31/2017/TT-BTTTT ngày 15/11/2017.

+ Các đơn vị phối hợp thực hiện triển khai giám sát an toàn hệ thống thông tin do đơn vị quản lý vận hành kết nối với hệ thống giám sát an toàn thông tin tập trung của Bộ theo hướng dẫn của Trung tâm Tin học.

+ Các đơn vị xây dựng, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án thuê doanh nghiệp giám sát, bảo vệ chuyên nghiệp (nếu cần thiết) phù hợp với phương án đảm bảo ATTT theo cấp độ an toàn hệ thống thông tin được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- “Lớp 3” - Tổ chức hoặc thuê doanh nghiệp độc lập kiểm tra, đánh giá định kỳ:

+ Trung tâm Tin học thực hiện trách nhiệm của đơn vị chuyên trách về ATTT theo quy định tại Điều 10, 11 Thông tư số 03/2017/TT-BTTTT ngày 24/4/2017, xây dựng kế hoạch kiểm tra, chủ trì kiểm tra các nội dung theo quy định.

+ Các đơn vị quản lý, vận hành hệ thống xây dựng kế hoạch đánh giá trình Lãnh đạo Bộ phê duyệt theo quy định tại Điều 12, 13 Thông tư số 03/2017/TT-BTTTT ngày 24/4/2017.

- “Lớp 4” - Kết nối, chia sẻ thông tin với hệ thống giám sát quốc gia:

+ Chia sẻ thông tin về mã độc: Thực hiện Hướng dẫn số 2290/BTTTT-CATTT ngày 17/7/2018 về việc hướng dẫn kết nối, chia sẻ thông tin về mã độc giữa các hệ thống kỹ thuật, Trung tâm Tin học chủ trì, phối hợp với các đơn vị xây dựng, báo cáo Lãnh đạo Bộ phương án triển khai hệ thống phòng chống mã độc tập trung của Bộ, thực hiện chia sẻ thông tin mã độc với hệ thống giám sát quốc gia.

+ Chia sẻ thông tin về hoạt động giám sát an toàn thông tin: Thực hiện Hướng dẫn số 2973/BTTTT-CATTT ngày 04/9/2019 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc hướng dẫn triển khai hoạt động giám sát an toàn thông tin trong cơ quan, tổ chức nhà nước, Trung tâm Tin học chủ trì, phối hợp với các đơn vị triển khai hệ thống giám sát ATTT và chia sẻ thông tin với hệ thống giám sát quốc gia.

5. Tình hình kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin theo quy định của pháp luật

- Số lượng hệ thống thông tin được kiểm tra đánh giá an toàn thông tin trong giai đoạn: 100%.

- Số lượng hệ thống thông tin được kiểm tra đánh giá an toàn thông tin định kỳ đáp ứng yêu cầu của Nghị định số 85/2016/NĐ-CP và Thông tư số 03/2017/TT-BTTTT:

+ Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin: 02 hệ thống thông tin cấp độ 4 và 02 hệ thống thông tin cấp độ 3 (bao gồm nhiều hệ thống thông tin thành phần).

+ Bộ Kế hoạch và Đầu tư thực hiện kiểm tra an toàn hệ thống thông tin 01 lần/năm theo Quyết định 1274/QĐ-BKHĐT ngày 17/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện phương án bảo đảm an toàn thông tin tổng thể của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

+ Bộ Kế hoạch và Đầu tư thực hiện thường xuyên hàng năm việc tự đánh giá an toàn hệ thống thông tin. Năm 2021, Bộ đã thực hiện thuê dịch vụ đánh giá cho hệ thống thông tin dùng chung của Bộ.

6. Tỷ lệ thiết bị đầu cuối được cài đặt giải pháp bảo vệ của cơ quan

- Số lượng thiết bị đầu cuối (máy chủ, máy trạm và các thiết bị đầu cuối khác): khoảng 1000 thiết bị.

- Tỷ lệ thiết bị đầu cuối được cài đặt giải pháp bảo vệ:

+ Tỷ lệ máy chủ cài đặt phần mềm phòng chống mã độc: 100%

+ Tỷ lệ máy tính cài đặt phần mềm phòng chống mã độc: 100%

7. Tình hình lây nhiễm và xử lý, bóc gỡ mã độc

- Số lượng máy chủ, máy trạm được thiết lập, cài đặt phần mềm phòng, chống mã độc: 100%.

- Trong năm 2021 đã phát hiện và xử lý 14 máy tính của các đơn vị nhiễm mã độc, đã gửi 14 văn bản cảnh báo về các lỗ hổng của các thiết bị, phần mềm và hệ điều hành.

- Số lượng hệ thống thông tin kết nối chia sẻ thông tin, dữ liệu thống kê tình hình lây nhiễm mã độc với hệ thống kỹ thuật của Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia trực thuộc Cục An toàn thông tin, Bộ Thông tin và Truyền thông: 100%.

8. Tình hình tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức về an toàn thông tin mạng

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã chủ động xây dựng nhiều tài liệu hướng dẫn chi tiết về an toàn, an ninh mạng như: hướng dẫn sử dụng an toàn mạng, máy tính và phần mềm ứng dụng; hướng dẫn sao lưu/phục hồi dữ liệu khi bị virus mã hóa dữ liệu; hướng dẫn khóa các cổng dịch vụ mà mã độc dò quét, tấn công.

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã xây dựng chuyên mục trên Hệ thống Quản lý thông tin tổng thể công khai số liệu thống kê an toàn ninh ninh MPINET và tổ chức tuyên truyền, phổ biến cảm nang, tài liệu hướng dẫn, cảnh báo về an toàn thông tin do Bộ Thông tin và Truyền thông xây dựng.

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tổ chức các lớp bồi dưỡng kiến thức về an toàn, an ninh mạng cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của Bộ.

9. Tình hình tổ chức đào tạo, tập huấn, diễn tập về an toàn thông tin mạng

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tổ chức các lớp bồi dưỡng kiến thức về an toàn, an ninh mạng cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thuộc Bộ.

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã triển khai tới các đơn vị trong Bộ và tham gia các cuộc diễn tập về ứng cứu, an toàn thông tin mạng do Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức, trong đó có Chương trình diễn tập quốc tế ACID năm 2021.

10. Tình hình xây dựng và triển khai các quy định, kế hoạch về ứng phó sự cố; các hoạt động của đội ứng cứu sự cố, việc tham gia hoạt động của mạng lưới ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng quốc gia

Triển khai thực hiện Kế hoạch đảm bảo an toàn, an ninh mạng tổng thể tại Quyết định số 1274/QĐ-BKHĐT ngày 17/8/2020:

- Tổ chức triển khai hệ thống phòng chống mã độc tập trung cho Hệ thống thông tin dùng chung của Bộ.

- Xây dựng hệ thống tổng hợp, chia sẻ thông tin mã độc để tổng hợp thông tin mã độc từ các hệ thống thông tin của Bộ và chia sẻ thông tin mã độc với Hệ thống giám sát quốc gia.

- Thực hiện đánh giá an toàn thông tin, an ninh mạng.

- Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của bộ.

VIII. KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Tình hình bố trí kinh phí cho các nhiệm vụ, dự án ứng dụng công nghệ thông tin phát triển chính phủ điện tử, chính phủ số của Bộ năm 2021 tại Phụ lục II kèm theo, trong đó, các nhiệm vụ, dự án có hạng mục về an toàn thông tin mạng chiếm tỷ lệ trên 10%.

Phần II

NỘI DUNG KẾ HOẠCH NĂM 2022

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

- Luật Công nghệ thông tin ngày 29/6/2006;
- Luật An toàn thông tin mạng ngày 19/11/2015;
- Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 15/4/2015 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế;
- Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến 2025;
- Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư;
- Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17/4/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW;
- Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;
- Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;
- Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;
- Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;
- Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;
- Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;
- Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước;
- Nghị định số 86/2017/NĐ-CP ngày 25/7/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Quyết định số 1402/QĐ-TTg ngày 13/7/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Kế hoạch tổng thể và lộ trình áp dụng đấu thầu qua mạng giai đoạn 2016-2025”;

- Quyết định số 501/QĐ-TTg ngày 10/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông trong Hệ thống thống kê nhà nước giai đoạn 2017 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030;

- Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg ngày 12/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc gửi, nhận văn bản điện tử giữa các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước;

- Quyết định số 05/2017/QĐ-TTg ngày 16/3/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định về hệ thống phương án ứng cứu khẩn cấp, bảo đảm an toàn thông tin mạng quốc gia;

- Quyết định số 632/QĐ-TTg ngày 10/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục lĩnh vực quan trọng cần ưu tiên bảo đảm an toàn thông tin mạng và hệ thống thông tin quan trọng quốc gia;

- Quyết định số 1622/QĐ-TTg ngày 25/10/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh hoạt động của mạng lưới ứng cứu sự cố, tăng cường năng lực cho các cán bộ, bộ phận chuyên trách ứng cứu sự cố mạng trên toàn quốc đến năm 2020, định hướng đến 2025;

- Quyết định số 1017/QĐ-TTg ngày 14/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Giám sát an toàn thông tin mạng đối với hệ thống, dịch vụ công nghệ thông tin phục vụ Chính phủ điện tử đến năm 2020, định hướng đến 2025”;

- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng năm 2030;

- Quyết định số 1907/QĐ-TTg ngày 23/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tuyên truyền, nâng cao nhận thức và phổ biến kiến thức về an toàn thông tin mạng giai đoạn 2021 - 2025”;

- Quyết định số 21/QĐ-TTg ngày 06/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực an toàn thông tin giai đoạn 2021 - 2025”;

- Quyết định số 830/QĐ-TTg ngày 01/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình “Bảo vệ và hỗ trợ trẻ em tương tác lành mạnh, sáng tạo trên môi trường mạng giai đoạn 2021 - 2025”;

- Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030;

- Chi thị số 14/CT-TTg ngày 25/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc nâng cao năng lực phòng, chống phần mềm độc hại;

- Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 07/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường bảo đảm an toàn, an ninh mạng nhằm cải thiện chỉ số xếp hạng của Việt Nam;

- Thông tư số 03/2017/TT-BTTTT ngày 24/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;

- Thông tư số 31/2017/TT-BTTTT ngày 15/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định hoạt động giám sát an toàn hệ thống thông tin;

- Quyết định số 1082/QĐ-BKHĐT ngày 16/7/2018 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 25/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về nâng cao năng lực phòng, chống phần mềm độc hại tại Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

- Quyết định số 2323/QĐ- BTTTT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, phiên bản 2.0;

- Quyết định số 1265/QĐ-BKHĐT ngày 13/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Kế hoạch triển khai, thực hiện Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối, chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước tại Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

- Quyết định số 1274/QĐ-BKHĐT ngày 17/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện phương án bảo đảm an toàn thông tin tổng thể của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

- Quyết định số 1433/QĐ-BKHĐT ngày 28/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Kiến trúc Chính phủ điện tử Bộ Kế hoạch và Đầu tư, phiên bản 2.0;

- Quyết định số 1776/QĐ-BKHĐT ngày 07/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư phê duyệt “Kế hoạch Chuyển đổi số tại Bộ Kế hoạch và Đầu tư giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030”;

- Công văn số 3570/BTTTT-THH-ATTT ngày 16/9/2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn xây dựng Kế hoạch phát triển Chính phủ số, Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng năm 2022.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng thể

- Đẩy mạnh việc triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển Chính phủ điện tử tại Bộ Kế hoạch và Đầu tư thực hiện chuyển đổi số, hướng tới Chính phủ số, nền kinh tế số, xã hội số và bảo đảm an toàn thông tin mạng.

- Phát triển hạ tầng kỹ thuật, các hệ thống thông tin, CSDLQG, tạo nền tảng phát triển Công nghệ thông tin tại Bộ, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin. Tích hợp, kết nối các hệ thống thông tin, CSDL trong Bộ, tạo lập môi trường chia sẻ thông tin, dữ liệu của Bộ và các hệ thống thông tin khác.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Ứng dụng công nghệ thông tin trong nội bộ

- Ứng dụng Hệ thống Quản lý thông tin tổng thể: 100% đơn vị ứng dụng.
- Ứng dụng Hệ thống Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc: Tiếp tục ứng dụng Hệ thống trong xử lý và điều hành công việc, đảm bảo kết nối, liên thông trao đổi văn bản tới các đơn vị của Bộ và kết nối với Trục liên thông văn bản quốc gia. Tỷ lệ văn bản trao đổi có sử dụng chữ ký số, hồ sơ công việc tại cấp Bộ được xử lý trên môi trường mạng đạt 100% đối với các nội dung không mật.
- Trong công tác lưu trữ: Thực hiện lưu trữ điện tử 100% Hồ sơ lưu trữ.
- Trong công tác Quản lý cán bộ, công chức, viên chức: 100% Hồ sơ cán bộ được lưu trữ trên CSDL và cập nhật thông tin phát sinh.
- Ứng dụng Hệ thống thư điện tử: 100% đơn vị ứng dụng.
- Ứng dụng công nghệ thông tin trong tất cả công tác: Kế toán; Quản lý tiền lương; Quản lý tài sản; Thi đua, khen thưởng.
- Ứng dụng Hệ thống theo dõi nhiệm vụ; hệ thống phản ánh kiến nghị và các hệ thống khác để đáp ứng công tác chỉ đạo điều hành của Bộ.
- Hoàn thành xây dựng và triển khai Kho dữ liệu tập trung và nền tảng chia sẻ tích hợp dữ liệu dùng chung của Bộ. Triển khai tích hợp dữ liệu để phục vụ việc chỉ đạo điều hành của Bộ với 100% các hệ thống chuyên ngành hiện có của Bộ. Dữ liệu được tích hợp sẽ hiển thị lên Trung tâm điều hành và các Hệ thống ứng dụng khác của Bộ.
- Tiếp tục triển khai Hệ thống thông tin báo cáo của Bộ, tích hợp với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ theo quy định của Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24/01/2019 quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước; Quyết định số 451/QĐ-TTg ngày 22/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị định số 09/2019/NĐ-CP.

b) Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp

- Cung cấp đầy đủ thông tin trên Cổng thông tin điện tử của Bộ theo Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011.
- Hoàn thiện Cổng dịch vụ công, Hệ thống thông tin một cửa điện tử của Bộ, đảm bảo 100% các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 trên Cổng dịch vụ công, Hệ thống thông tin một cửa điện tử của Bộ được kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cổng Dịch vụ công quốc gia, đạt các chỉ tiêu về cung cấp dịch vụ số (theo yêu cầu tại Văn bản số 2304/BTTTT-THH ngày 29/6/2021).

- Hoàn thiện Hệ thống thông tin tiếp nhận, trả lời phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp của Bộ, kết nối với Hệ thống của Chính phủ, đảm bảo tiếp nhận 100% thông tin phản ánh của người dân, doanh nghiệp và chuyển cho các đơn vị liên quan để giải quyết. Công bố 100% thông tin phản hồi đảm bảo người dân, doanh nghiệp tiếp cận được thông tin một cách chính xác và kịp thời.

- Triển khai thực hiện Nghị định 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối, chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước tại Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo lộ trình của Chính phủ và theo Kế hoạch được ban hành tại Quyết định số 1265/QĐ-BKHĐT ngày 13/8/2020.

- Triển khai thực hiện Kế hoạch Chuyển đổi số tại Bộ Kế hoạch và Đầu tư giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030 theo Quyết định số 1776/QĐ-BKHĐT ngày 07/12/2020.

c) Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ cơ quan nhà nước

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác lập, giao, tổng hợp kế hoạch đầu tư công: Đổi mới toàn diện công tác xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn, hàng năm thông qua Hệ thống thông tin quốc gia và cơ sở dữ liệu về đầu tư công. Toàn bộ quy trình quản lý kế hoạch đầu tư công được tin học hóa và triển khai trên Hệ thống áp dụng trên toàn quốc.

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác giám sát đầu tư: đổi mới toàn diện công tác giám sát, đánh giá các dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước, 100% Báo cáo giám sát tổng thể đầu tư được các cơ quan báo cáo trực tuyến.

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý các dự án sử dụng nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài: Hiện đại hóa công tác quản lý nguồn vốn vay nước ngoài thông qua nâng cấp, triển khai hệ thống công nghệ thông tin thống nhất trên toàn quốc; đồng thời tổ chức hướng dẫn, triển khai hệ thống đến các cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan chủ quản, chủ dự án, bảo đảm kịp thời cập nhật việc đàm phán, ký kết, triển khai thực hiện, tình hình giải ngân.

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác thống kê: Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện các ứng dụng, dịch vụ công nghệ thông tin trong công tác thống kê.

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quy hoạch: Tiếp tục hoàn thiện Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu về quy hoạch.

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác báo cáo: Triển khai, hoàn thiện Hệ thống thông tin báo cáo của Bộ; Tiếp tục điện tử hóa các biểu mẫu báo cáo và cung cấp thông tin, số liệu trên Hệ thống thông tin báo cáo của Bộ và kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo của Chính phủ; Tích hợp Hệ thống thông tin báo cáo của Bộ với Trung tâm chỉ đạo, điều hành của Chính phủ

- Triển khai ứng dụng công nghệ thông tin toàn diện trên các lĩnh vực chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ.

- Tích hợp, chia sẻ, dữ liệu từ các CSDL của Bộ Kế hoạch và Đầu tư với các CSDL của Bộ, ngành, địa phương để tạo nền tảng Chính phủ điện tử.

d) Bảo đảm an toàn thông tin

- Tiếp tục triển khai và bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ: 100% hệ thống thông tin được xác định cấp độ và triển khai phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ.

- 100% thiết bị đầu cuối được cài đặt giải pháp bảo vệ.

- Tỷ lệ người đứng đầu các đơn vị được tuyên truyền, nâng cao nhận thức và trách nhiệm về bảo đảm an toàn thông tin: 100%.

- Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của cơ quan (bao gồm cả các đơn vị, tổ chức nhà nước trực thuộc) được tuyên truyền, phổ biến về thói quen, trách nhiệm và kỹ năng cơ bản bảo đảm an toàn thông tin: 100%.

- Thực hiện tuyên truyền, nâng cao nhận thức về an toàn thông tin cho toàn bộ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của cơ quan, đơn vị.

- Triển khai các giải pháp điều hành, giám sát an toàn, an ninh mạng, phòng chống mã độc tập trung, kết nối chia sẻ thông tin với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia.

- Triển khai, hoàn thiện và duy trì bảo đảm an toàn thông tin theo mô hình 4 lớp.

- Tổ chức xây dựng, hoàn thành triển khai chính thức, đảm bảo vận hành trung tâm điều hành an ninh mạng (SOC); bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

- Bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

- Triển khai đào tạo, tập huấn, diễn tập về bảo đảm an toàn thông tin.

- Đảm bảo việc ứng cứu, khắc phục sự cố theo quy trình, quy định.

đ) Các mục tiêu phát triển Chính phủ số

Tiếp tục triển khai Phát triển hạ tầng, nền tảng, Phát triển dữ liệu, Phát triển các ứng dụng, dịch vụ cơ bản theo yêu cầu tại Văn bản số 2304/BTTTT-THH ngày 29/6/2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc thực hiện chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030, cụ thể:

- Cung cấp dịch vụ số: Tỷ lệ hồ sơ được xử lý trực tuyến: 50%;

- Phát triển hạ tầng, nền tảng:

+ Triển khai nền tảng điện toán đám mây;

+ Phát triển nền tảng dữ liệu lớn về kinh tế - xã hội.

+ Triển khai chuyển đổi Ipv6 cho hệ thống công nghệ thông tin của Bộ theo lộ trình được phê duyệt.

- Phát triển dữ liệu: Tham gia mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở.

- Phát triển các ứng dụng, dịch vụ cơ bản:

+ Triển khai công cụ làm việc, cộng tác trên môi trường số.

+ Triển khai công cụ báo cáo tự động theo yêu cầu.

III. NHIỆM VỤ

1. Hoàn thiện quy chế, quy định pháp lý

- Xây dựng Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển Chính phủ số và bảo đảm an toàn thông tin mạng hằng năm.

- Duy trì, triển khai, cập nhật Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử của Bộ.

- Hoàn thiện cơ sở pháp lý cho đấu thầu qua mạng.

- Xây dựng Thông tư hướng dẫn việc xây dựng, quản lý, khai thác hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch.

2. Phát triển hạ tầng số

- Nâng cấp, quản lý vận hành, duy trì hoạt động ổn định của hệ thống hạ tầng kỹ thuật của Bộ: Hệ thống mạng, Trung tâm dữ liệu,... và các ứng dụng của Bộ.

- Tổ chức triển khai Kiến trúc Chính phủ điện tử của Bộ phiên bản 2.0 được ban hành tại Quyết định số 1433/QĐ-BKHĐT ngày 28/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Triển khai, đưa vào sử dụng chính thức Trung tâm điều hành của Bộ.

- Tiếp tục quản lý, vận hành Trục tích hợp, chia sẻ dữ liệu của Bộ: Thực hiện kết nối với Trục tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP); chia sẻ thông tin, dữ liệu với Bộ, ngành, địa phương khác; chia sẻ thông tin giữa các hệ thống thông tin của Bộ.

- Tiếp tục quản lý, vận hành hệ thống mạng liên thông giữa hệ thống mạng của Bộ với các hệ thống mạng của các cơ quan qua mạng truyền số liệu chuyên dùng của cơ quan Đảng, Chính phủ: Kết nối hệ thống Hội nghị truyền hình Chính phủ; Kết nối trực liên thông văn bản quốc gia (VDXP); Kết nối mạng CPNET; Kết nối hệ thống mạng NDXP; kết nối hệ thống mạng với Bộ, ngành, địa phương khác.

- Triển khai ứng dụng điện toán đám mây tại Bộ.

- Phát triển nền tảng dữ liệu lớn về kinh tế - xã hội.

- Tiếp tục triển khai ứng dụng chữ ký số chuyên dùng cho các hệ thống thông tin và thiết bị di động, cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc Bộ.

- Thực hiện lộ trình chuyển đổi mạng Internet sang ứng dụng địa chỉ giao thức Internet thế hệ mới (IPV6).

3. Phát triển các nền tảng, hệ thống

- Xây dựng và duy trì hoạt động hệ thống tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp Bộ (LGSP) kết nối với các hệ thống thông tin, CSDL trong nội bộ Bộ và kết nối với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) theo Khung Kiến trúc để trao đổi, chia sẻ dữ liệu với các cơ quan bên ngoài.

- Tiếp tục phát triển các nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu theo lộ trình của Chính phủ và kế hoạch triển khai, thực hiện Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối, chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước tại Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo Quyết định số 1265/QĐ-BKHĐT ngày 13/8/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Tiếp tục phát triển và hoàn thiện kho lưu trữ dữ liệu Data Warehouse.

- Tiếp tục phát triển và hoàn thiện Hệ thống tài khoản tập trung.

4. Phát triển dữ liệu

- Rà soát CSDL dùng chung của bộ, cơ sở dữ liệu dùng chung của ngành để xây dựng danh mục CSDL của Bộ, ngành Kế hoạch đầu tư và Thống kê.

- Rà soát CSDL, hệ thống thông tin đã và đang thực hiện bảo đảm tuân thủ quy định phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu.

- Xây dựng kế hoạch và triển khai cung cấp dữ liệu mở.

- Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện và phát triển các CSDLQG:

+ CSDLQG về đăng ký doanh nghiệp.

+ CSDLQG về đầu tư.

+ CSDLQG về đấu thầu.

+ CSDLQG về đầu tư công.

+ CSDLQG về quy hoạch.

+ CSDLQG về doanh nghiệp nhà nước.

- Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện và phát triển các CSDL chuyên ngành:

+ CSDL về giám sát, đánh giá đầu tư chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước.

+ CSDL về đăng ký hợp tác xã.

+ CSDL về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

+ CSDL về thống kê tổng hợp về dân số.

+ CSDL thống kê về Tổng điều tra và điều tra thống kê.

+ CSDL về đăng ký hộ kinh doanh.

- + CSDL về khu công nghiệp, khu kinh tế.
- + CSDL chuyên ngành khác theo chức năng, nhiệm vụ của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.
 - Từng bước cung cấp dữ liệu mở của Bộ trên môi trường mạng nhằm tăng cường chia sẻ, tính minh bạch trong hoạt động của cơ quan nhà nước, thúc đẩy sáng tạo, phát triển kinh tế, xã hội.
 - Triển khai kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu với Trung tâm thông tin, chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ theo yêu cầu tại Quyết định số 1498/QĐ-TTg ngày 11/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục thông tin, dữ liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.
 - Triển khai kết nối các CSDLQG và CSDL chuyên ngành với CSDLQG về dân cư theo hướng dẫn của Bộ Công an và Bộ Thông tin và Truyền thông;
 - Tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ khác trong Kế hoạch triển khai, thực hiện Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối, chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước tại Bộ Kế hoạch và Đầu tư được ban hành tại Quyết định số 1265/QĐ-BKHĐT ngày 13/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

5. Phát triển các ứng dụng, dịch vụ

- Phát triển các ứng dụng, dịch vụ công nghệ thông tin phục vụ hoạt động nội bộ các cơ quan nhà nước:
 - + Nâng cấp Hệ thống Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc để thuận tiện hơn cho việc sử dụng trong trao đổi văn bản điện tử, phân và xử lý văn bản qua mạng, trình ký điện tử.
 - + Triển khai tích hợp dữ liệu cho Trung tâm điều hành của Bộ.
 - + Triển khai và hoàn thiện Hệ thống thông tin báo cáo của Bộ phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành và kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ.
- Phát triển ứng dụng, dịch vụ công nghệ thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp:
 - + Nâng cấp, duy trì hoạt động của Cổng thông tin điện tử của Bộ đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy định về cung cấp thông tin, kết nối, liên thông,...
 - + Phát triển và duy trì hoạt động của Cổng Dịch vụ công, Hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp bộ; kết nối, tích hợp với Cổng dịch vụ công quốc gia.
 - + Xây dựng, nâng cấp và hoàn thiện các hệ thống thông tin chuyên ngành phục vụ người dân và doanh nghiệp như: Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và hợp tác xã; Xây dựng Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hộ kinh doanh; Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;...

+ Phát triển ứng dụng, dịch vụ công nghệ thông tin để tương tác với doanh nghiệp trong việc công bố thông tin của doanh nghiệp nhà nước và hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa được tiếp cận, tham gia, kết nối đối với các dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên phạm vi toàn quốc.

+ Xây dựng, hoàn thiện Hệ thống thông tin tiếp nhận, trả lời phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp của Bộ, kết nối với Hệ thống của Chính phủ.

- Phát triển ứng dụng, dịch vụ công nghệ thông tin phục vụ cơ quan nhà nước:

+ Tiếp tục hoàn thiện và triển khai ứng dụng Hệ thống thông tin về đầu tư sử dụng vốn nhà nước trong công tác báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư.

+ Xây dựng và triển khai Hệ thống thông tin và CSDLQG về đầu tư công trên toàn quốc để đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại Luật Đầu tư công.

+ Xây dựng và triển khai Hệ thống thông tin và CSDLQG về quy hoạch trên toàn quốc để đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại Luật Quy hoạch.

+ Triển khai Hệ thống thông tin phân tích và dự báo Kinh tế - Xã hội nhằm cung cấp thông tin dự báo chỉ tiêu kinh tế vĩ mô (bao gồm các chỉ tiêu tháng, quý, năm) nhằm phục vụ công tác quản lý nhà nước của Bộ và Chính phủ.

+ Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác thống kê cụ thể: Xây dựng hệ thống thông tin thống kê quốc gia, kết nối với hệ thống thông tin thống kê Bộ, ngành, địa phương; Thay thế phiếu điều tra giấy bằng phiếu điều tra điện tử (thiết bị cầm tay, webform) trong các cuộc điều tra thống kê; Ứng dụng công nghệ dữ liệu lớn để biên soạn một số chỉ tiêu thống kê.

- Phát triển các ứng dụng phần mềm trên thiết bị di động.

- Thực hiện Kế hoạch Chuyển đổi số tại Bộ Kế hoạch và Đầu tư giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030 theo Quyết định số 1776/QĐ-BKHĐT ngày 07/12/2020.

6. Bảo đảm an toàn thông tin

- Thực hiện nâng cấp và duy trì bảo đảm an toàn thông tin mô hình 4 lớp (*Kiện toàn lực lượng tại chỗ; Lựa chọn tối thiểu một tổ chức, doanh nghiệp giám sát, bảo vệ chuyên nghiệp; Định kỳ thực hiện kiểm tra, đánh giá độc lập; Kết nối, chia sẻ thông tin với hệ thống giám sát quốc gia*) theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông; áp dụng hệ thống quản lý an toàn thông tin mạng theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật vào hoạt động của cơ quan, tổ chức.

- Kết nối và chia sẻ thông tin với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia.

- Thường xuyên rà soát, cập nhật, phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin và triển khai phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp

độ đáp ứng các yêu cầu tại Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 1/7/2016 của Chính phủ và Thông tư số 03/2017-BTTTT của Bộ thông tin và Truyền thông.

- Tăng cường đầu tư trang thiết bị và thuê dịch vụ nhằm nâng cao năng lực bảo đảm an toàn thông tin, phòng chống mã độc theo mô hình tập trung, ưu tiên cho các hệ thống cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân và doanh nghiệp và hệ thống trung tâm dữ liệu.

- Tổ chức xây dựng, hoàn thành triển khai chính thức, đảm bảo vận hành trung tâm điều hành an ninh mạng (SOC); bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

- Định kỳ, đột xuất thực hiện kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin theo quy định của pháp luật.

- Xây dựng và triển khai kế hoạch dự phòng, sao lưu dữ liệu, bảo đảm hoạt động liên tục của các Hệ thống thông tin, CSDL; sẵn sàng khôi phục hoạt động bình thường của hệ thống sau khi gặp sự cố mất an toàn thông tin mạng.

- Định kỳ hằng năm tổ chức đào tạo hoặc cử nhân sự chuyên trách/phụ trách về an toàn thông tin/công nghệ thông tin tham gia các khóa đào tạo về quản lý, kỹ thuật về an toàn thông tin.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức và trang bị kỹ năng cơ bản về an toàn thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan.

- Diễn tập về an toàn thông tin mạng.

7. Phát triển nguồn nhân lực

- Tiếp tục kiện toàn bộ máy của đơn vị chuyên trách về công nghệ thông tin của Bộ.

- Cử cán bộ đại diện tham gia các Chương trình đào tạo, tập huấn đội ngũ Chuyên gia Chính phủ điện tử, Chuyên gia Chuyển đổi số. Các chuyên gia này sau khi được đào tạo tiếp tục đào tạo lại cho cán bộ liên quan ở Bộ và trở thành lực lượng nòng cốt để dẫn dắt, tổ chức và lan tỏa tiến trình phát triển Chính phủ điện tử, Chuyển đổi số tại Bộ.

- Chủ động nghiên cứu, hợp tác, phát triển nguồn nhân lực hiện có để làm chủ và ứng dụng hiệu quả các công nghệ.

- Đào tạo nâng cao năng lực cho nguồn nhân lực chuyên trách về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu quản lý, vận hành, quản trị sử dụng hạ tầng kỹ thuật và các hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin.

- Thường xuyên tổ chức bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin, kỹ năng số, kỹ năng phân tích và xử lý dữ liệu cho cán bộ, công chức, viên chức.

IV. GIẢI PHÁP

1. Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, kỹ năng số, tăng cường tương tác với người dân, doanh nghiệp

- Tuyên truyền, nâng cao nhận thức, kỹ năng số, tăng cường tương tác với người dân, doanh nghiệp trên Cổng thông tin điện tử của Bộ và các trang tin điện tử khác.

- Đẩy mạnh truyền thông các Hệ thống ứng dụng của Bộ trong các công tác: dịch vụ công, đấu thầu, đăng ký doanh nghiệp, đầu tư công,.. trên các phương tiện thông tin đại chúng, qua thư điện tử, ứng dụng di động trực tiếp đến người dùng.

- Xây dựng các kênh tương tác trực tuyến để người dân tham gia, giám sát hoạt động xây dựng, thực thi chính sách, pháp luật.

2. Phát triển các mô hình kết hợp giữa các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp

- Tiếp tục triển khai việc thuê dịch vụ công nghệ thông tin, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp cung cấp các sản phẩm ứng dụng công nghệ thông tin trong một số hoạt động công nghệ thông tin của Bộ.

- Triển khai dự án “Ứng dụng thương mại điện tử trong mua sắm chính phủ theo hình thức đối tác công - tư (PPP); phối hợp với nhà đầu tư để hoàn thiện xây dựng, đưa vào khai thác sử dụng dự án Hệ thống e-GP mới áp dụng hiệu quả các công nghệ tiên tiến của chứng thực chữ ký số, điện toán đám mây, dữ liệu lớn.

3. Nghiên cứu, hợp tác để làm chủ, ứng dụng hiệu quả các công nghệ

- Tiếp tục nghiên cứu, đẩy mạnh ứng dụng các công nghệ số vào triển khai các hoạt động Chính phủ điện tử của Bộ.

- Phối hợp các nhà tài trợ và các đối tác liên quan hoàn thiện hệ thống CSDL; xây dựng, phát triển Hệ thống thông tin quốc gia về khu công nghiệp, khu kinh tế nhằm thúc đẩy phát triển các mô hình khu công nghiệp, khu kinh tế mới trong giai đoạn tới.

- Tiếp nhận, làm chủ công nghệ đối với hệ thống, thiết bị công nghệ là sản phẩm dự án Xây dựng Trung tâm nghiên cứu dữ liệu và năng lực điều hành hệ thống thông tin.

4. Thu hút nguồn lực công nghệ thông tin

- Xây dựng chương trình, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tin học phù hợp với yêu cầu vận hành, duy trì và phát triển của các Hệ thống.

- Bố trí, phân công công việc cho cán bộ công nghệ thông tin phải gắn với chức năng, nhiệm vụ một cách chặt chẽ, rõ ràng và dựa trên các tiêu chuẩn về chuyên môn, trình độ của cán bộ.

- Phát triển các hình thức liên kết, hợp tác phát triển nguồn lực chất lượng cao.

5. Tăng cường hợp tác quốc tế

- Xây dựng và phát triển quan hệ với các đối tác quốc tế, tăng cường thu hút các nguồn lực nước ngoài (tài chính và nhân lực khoa học trình độ cao) cho hoạt động chuyển đổi số. Tăng cường kết nối, phát triển mạng lưới hợp tác quốc tế nhằm nâng cao hiệu quả quản lý và tài trợ triển khai chuyển đổi số của Bộ.

- Phối hợp với WB triển khai Nâng cao năng lực giám sát và đánh giá nhằm tăng cường hiệu quả đầu tư công.

- Phối hợp với EU triển khai Chương trình Tăng cường quản trị kinh tế tại Việt Nam.

- Phối hợp với ADB/WB tiếp tục đẩy mạnh đấu thầu qua mạng cho các gói thầu sử dụng nguồn vốn của hai nhà tài trợ này trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Kinh phí của các nhiệm vụ, dự án ứng dụng công nghệ thông tin trong Kế hoạch lấy từ nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

- Tình hình bố trí kinh phí cho các nhiệm vụ, dự án ứng dụng công nghệ thông tin năm 2022 tại Phụ lục III kèm theo.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Tổng cục Thống kê

- Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp trong Kế hoạch có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị.

- Chủ trì xây dựng, triển khai các Dự án, nhiệm vụ về công nghệ thông tin trong lĩnh vực thống kê.

- Báo cáo tình hình thực hiện và rà soát, đề xuất các dự án triển khai Đề án ứng dụng công nghệ thông tin trong hệ thống thống kê nhà nước giai đoạn 2018-2025, tầm nhìn đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 501/QĐ-TTg ngày 10/5/2018.

- Tổ chức xây dựng Đề án “Xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia tập trung”.

- Xây dựng kế hoạch chi tiết và triển khai thực hiện Kế hoạch xử lý kết quả các cuộc điều tra thống kê năm 2022.

2. Trung tâm Tin học

- Tổ chức xây dựng Kế hoạch phát triển Chính phủ số và bảo đảm an toàn thông tin mạng năm 2023.

- Chịu trách nhiệm điều phối các hoạt động Chuyển đổi số của Bộ theo Kế hoạch Chuyển đổi số tại Bộ Kế hoạch và Đầu tư giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030 theo Quyết định số 1776/QĐ-BKHĐT ngày 07/12/2020.

- Làm đầu mối trao đổi thông tin, dữ liệu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư với các Bộ, ngành, địa phương và giữa các CSDL trong Bộ thông qua trực tích hợp liên thông nội bộ (LGSP) của Bộ.

- Theo dõi, đôn đốc, làm đầu mối thực hiện việc kết nối, chia sẻ dữ liệu của Bộ theo Kế hoạch triển khai, thực hiện Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối, chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước tại Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Là đầu mối triển khai kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu với Trung tâm thông tin, chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ theo yêu cầu tại Quyết định số 1498/QĐ-TTg ngày 11/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục thông tin, dữ liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

- Làm đầu mối ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng của Bộ.

- Cung cấp đầy đủ thông tin trên Cổng thông tin điện tử của Bộ theo quy định của Nghị định số 43/2011/NĐ-CP của Chính phủ.

- Chủ trì xây dựng, triển khai Trung tâm nghiên cứu dữ liệu và năng lực điều hành hệ thống thông tin của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Chủ trì, xây dựng Hệ thống thông tin và CSDLQG về đầu tư công phù hợp với Luật đầu tư công ngày 13/6/2019.

- Chủ trì xây dựng Hệ thống thông tin và CSDLQG về quy hoạch.

- Tổ chức xây dựng, hoàn thành triển khai chính thức, đảm bảo vận hành trung tâm điều hành an ninh mạng (SOC); bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

- Duy trì, triển khai, cập nhật Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử của Bộ.

- Duy trì, vận hành, nâng cấp Cổng dịch vụ công và phần mềm Hệ thống thông tin Một cửa điện tử, Hệ thống phản ánh kiến nghị và các hệ thống ứng dụng phục vụ quản lý điều hành của Bộ.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai tích hợp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 trên Cổng dịch vụ công của Bộ, Cổng dịch vụ công quốc gia.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai Hệ thống thông tin báo cáo của Bộ: Hoàn thiện Hệ thống thông tin báo cáo; điện tử hóa các biểu mẫu báo cáo và cung cấp thông tin, số liệu trên Hệ thống thông tin báo cáo của Bộ và kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo của Chính phủ; Tích hợp Hệ thống thông tin báo cáo của Bộ với Trung tâm chỉ đạo, điều hành của Chính phủ.

- Phối hợp với Trung tâm Bồi dưỡng cán bộ Kinh tế - Kế hoạch tổ chức các lớp đào tạo về ứng dụng công nghệ thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức trong Bộ và ngành kế hoạch và đầu tư.

3. Cục Quản lý đăng ký kinh doanh

- Tổ chức thực hiện đảm bảo hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp trong Kế hoạch có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị.

- Duy trì, vận hành, nâng cấp phần mềm ứng dụng và hạ tầng kỹ thuật của Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, đảm bảo Hệ thống hoạt động liên tục, ổn định.

- Thực hiện các giải pháp duy trì và nâng cao tỷ lệ đăng ký doanh nghiệp qua mạng đạt mục tiêu của Kế hoạch; tiếp tục hoàn thiện CSDLQG về đăng ký hợp tác xã.

- Tiếp tục đẩy mạnh việc chia sẻ dữ liệu từ CSDLQG về đăng ký doanh nghiệp với các Bộ, ngành, địa phương có nhu cầu nhằm thúc đẩy quá trình đơn giản hóa thành phần hồ sơ, thủ tục hành chính cho các Bộ, ngành, địa phương.

- Phối hợp với Trung tâm Tin học tích hợp, chia sẻ dữ liệu Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp với các Hệ thống thông tin.

- Triển khai việc chia sẻ dữ liệu từ CSDLQG về đăng ký doanh nghiệp với CSDL đấu thầu qua mạng để đơn giản hóa thủ tục kê khai, đăng ký nhà thầu qua mạng.

- Phối hợp với Trung tâm Tin học triển khai tích hợp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 thuộc lĩnh vực quản lý trên Cổng dịch vụ công của Bộ, Cổng dịch vụ công quốc gia.

4. Cục Đầu tư nước ngoài

- Tổ chức thực hiện đảm bảo hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp trong Kế hoạch có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị.

- Triển khai nâng cấp Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư; nâng cao tỷ lệ đăng ký đầu tư qua mạng điện tử và cung cấp dịch vụ công khác cho người dân và doanh nghiệp.

- Phối hợp với Trung tâm Tin học triển khai tích hợp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 thuộc lĩnh vực quản lý trên Cổng dịch vụ công của Bộ, Cổng dịch vụ công quốc gia.

- Sử dụng Hệ thống Phần mềm một cửa điện tử của Bộ để tiếp nhận, xử lý hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực quản lý.

5. Cục Quản lý đấu thầu

- Tổ chức thực hiện đảm bảo hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp trong Kế hoạch có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị.

- Xây dựng, hoàn thiện, triển khai Hệ thống chứng thực chữ ký số chuyên dùng sử dụng trong nghiệp vụ đấu thầu qua mạng.

- Xây dựng, hoàn thiện, triển khai Hệ thống e-GP mới thuộc Dự án “Ứng dụng thương mại điện tử trong mua sắm chính phủ” theo hình thức đối tác công tư (PPP).

- Xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư qua mạng phù hợp với quá trình triển khai Hệ thống e-GP mới thuộc Dự án “Ứng dụng thương mại điện tử trong mua sắm chính phủ” theo hình thức đối tác công tư (PPP).

- Tích hợp, trao đổi thông tin giữa Hệ thống e-GP với Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, Hệ thống thông tin và CSDLQG về đầu tư công.

- Xây dựng hệ thống phục vụ cho việc đào tạo các cơ quan quản lý, chủ đầu tư, bên mời thầu, nhà thầu, nhà đầu tư và quản lý công tác đào tạo Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia mới.

- Xây dựng các hệ thống công nghệ thông tin phục vụ: quản lý, khai thác thông tin về đấu thầu, giám sát an toàn thông tin tập trung, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật, giải pháp phục vụ chuyển đổi số.

- Phối hợp với Trung tâm Tin học triển khai tích hợp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 thuộc lĩnh vực quản lý trên Cổng dịch vụ công của Bộ, Cổng dịch vụ công quốc gia.

- Sử dụng Hệ thống Phần mềm một cửa điện tử của Bộ để tiếp nhận, xử lý hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực quản lý.

6. Cục Phát triển doanh nghiệp

- Xây dựng Hệ thống thông tin quốc gia về phát triển doanh nghiệp, hoàn thiện CSDLQG về doanh nghiệp nhà nước, CSDL trong lĩnh vực hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Phối hợp với Trung tâm Tin học triển khai tích hợp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 thuộc lĩnh vực quản lý trên Cổng dịch vụ công của Bộ, Cổng dịch vụ công quốc gia.

- Sử dụng Hệ thống Phần mềm một cửa điện tử của Bộ để tiếp nhận, xử lý hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực quản lý.

7. Vụ Tổng hợp kinh tế quốc dân

- Phối hợp với Trung tâm Tin học, Vụ Kinh tế địa phương và Lãnh thổ và các đơn vị liên quan trong việc triển khai Hệ thống thông tin và CSDLQG về đầu tư công.

- Phối hợp với Vụ Kinh tế đối ngoại và Trung tâm Tin học hoàn thiện dữ liệu trên Hệ thống thông tin và CSDLQG về đầu tư công với kế hoạch đầu tư nguồn vốn ODA và viện trợ không hoàn lại của các nhà tài trợ nước ngoài.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng quy trình lập, tổng hợp, giao, điều chỉnh, kéo dài, báo cáo kế hoạch đầu tư công trên Hệ thống thông tin và CSDLQG về đầu tư công.

8. Vụ Kinh tế đối ngoại

- Phối hợp với Trung tâm Tin học và các đơn vị liên quan trong việc xây dựng, triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực quản lý ODA trên toàn quốc.

- Sử dụng Hệ thống Phần mềm một cửa điện tử của Bộ để tiếp nhận, xử lý hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực quản lý.

9. Vụ Giám sát và Thẩm định đầu tư

Phối hợp với Trung tâm Tin học trong việc triển khai Hệ thống thông tin về giám sát, đánh giá đầu tư trong công tác báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư.

10. Vụ Quản lý quy hoạch

- Chủ trì nghiên cứu, xây dựng Thông tư hướng dẫn việc xây dựng, quản lý, khai thác hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch.

- Phối hợp với Trung tâm Tin học và các đơn vị có liên quan xây dựng Hệ thống thông tin, CSDL quốc gia về quy hoạch và triển khai thống nhất trên phạm vi toàn quốc để giúp Chính phủ, các Bộ, ngành, địa phương trong việc cập nhật, khai thác và quản lý thông tin về quy hoạch.

11. Vụ Quản lý các khu kinh tế

- Chủ trì, tổ chức xây dựng và quản lý Hệ thống thông tin về khu công nghiệp, khu kinh tế.

- Sử dụng Hệ thống phần mềm một cửa điện tử của Bộ để tiếp nhận, xử lý hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực quản lý.

12. Văn phòng Bộ

- Nghiên cứu, báo cáo Lãnh đạo Bộ phương án bảo đảm kinh phí để thực hiện Kế hoạch phát triển Chính phủ số và bảo đảm an toàn thông tin mạng trong năm 2022 của Bộ.

- Phối hợp với Trung tâm Tin học triển khai ứng dụng công nghệ thông tin để theo dõi các nhiệm vụ do Lãnh đạo Bộ giao.

- Thực hiện việc số hóa văn bản đến, đi; ký số và gửi điện tử các văn bản trên trục liên thông quốc gia, đảm bảo 100% văn bản được số hóa, phân xử lý trên mạng.

- Là đầu mối phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện việc rà soát, đơn giản hóa, kiến nghị xóa bỏ các thủ tục hành chính không cần thiết, trùng lặp trong bộ thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ; chuẩn hóa dữ liệu thủ tục hành chính trong CSDLQG về thủ tục hành chính; phối hợp với Trung tâm Tin học và các đơn vị liên quan trong việc thống kê danh mục các thủ tục hành chính được tin học hóa theo các dịch vụ công mức 3, 4.

- Là đầu mối phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện việc rà soát, cập nhật, công bố kịp thời danh mục chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ.

- Chủ trì tiếp nhận phản ánh, kiến nghị trên Hệ thống tiếp nhận và xử lý phản ánh kiến nghị của Bộ.

- Chủ trì triển khai thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính, bảo đảm thiết thực, hiệu quả, đúng tiến độ.

13. Vụ Tổ chức cán bộ

- Chủ trì, hướng dẫn các đơn vị thuộc Bộ, trong đó có lồng ghép nội dung thực hiện hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức.

- Chủ trì, phối hợp với Trung tâm Tin học xây dựng cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức của Bộ, đảm bảo phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

14. Các đơn vị thuộc Bộ

- Các đơn vị triển khai các giải pháp khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp, người dân trong việc tiếp cận, sử dụng hiệu quả các dịch vụ công trực tuyến thuộc lĩnh vực được phân công phụ trách.

- Hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp trong Kế hoạch phát triển Chính phủ số và bảo đảm an toàn thông tin mạng năm 2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của đơn vị.

- 100% thủ trưởng các đơn vị thực hiện việc ký số, điều hành công việc qua mạng thông qua Hệ thống Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc.

- Thực hiện cung cấp thông tin, triển khai điện tử hóa chế độ báo cáo của Bộ.

- Các đơn vị tổ chức triển khai các đề án, nhiệm vụ để thúc đẩy chuyển đổi số tại Bộ Kế hoạch và Đầu tư giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030.

- Các đơn vị triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao tại các Kế hoạch: Kế hoạch triển khai thực hiện phương án bảo đảm an toàn thông tin tổng thể của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Kế hoạch triển khai, thực hiện Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối, chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước tại Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Kế hoạch Chuyển đổi số tại Bộ Kế hoạch và Đầu tư giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030.

VII. DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN

Danh mục nhiệm vụ, dự án để triển khai Kế hoạch tại Phụ lục III kèm theo./.

Phụ lục I


TÌNH HÌNH THỰC THI BẢO ĐẢM AN TOÀN HỆ THỐNG THÔNG TIN THEO CẤP ĐỘ

(Kèm theo Quyết định số **1394** /QĐ-BKHĐT ngày **14** tháng **10** năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

STT	Tên Hệ thống thông tin	Đơn vị quản lý	Cấp độ an toàn	Thời gian xác định cấp độ - tháng/năm	Đáp ứng/Chưa đáp ứng về yêu cầu tối thiểu bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ
I	Hệ thống thông tin dùng chung của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, bao gồm các hệ thống thành phần:	Trung tâm Tin học	3	4/2020 (557/QĐ-BKHĐT ngày 20/4/2020)	Đáp ứng
1	Trung tâm dữ liệu		3		
2	Hệ thống mạng nội bộ		2		
3	Hệ thống dịch vụ quản lý tài khoản định danh và thiết lập chính sách tập trung		3		
4	Hệ thống hạ tầng ảo hóa		3		
5	Hệ thống Quản lý thông tin tổng thể		2		
6	Hệ thống Lưu trữ điện tử		2		
7	Hệ thống Quản lý thông tin cán bộ, công chức, viên chức		2		
8	Hệ thống Quản lý Thi đua - Khen thưởng		2		
9	Hệ thống Phần mềm tính lương		2		
10	Hệ thống Thư điện tử		2		
11	Hệ thống Công thông tin điện tử		2		
12	Hệ thống Công thông tin giám sát, đánh giá đầu tư quốc gia		2		
13	Hệ thống thông tin phân tích và dự báo kinh tế - xã hội quốc gia		2		
14	Các trang thông tin điện tử của các đơn vị, tổ chức thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư, cài đặt, vận hành tại Trung tâm dữ		2		

STT	Tên Hệ thống thông tin	Đơn vị quản lý	Cấp độ an toàn	Thời gian xác định cấp độ - tháng/năm	Đáp ứng/Chưa đáp ứng về yêu cầu tối thiểu bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ
	liệu của Bộ (23 website)				
15	Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư		3		
16	Hệ thống thông tin về đầu tư sử dụng vốn nhà nước, đầu tư công		3		
17	Hệ thống đăng ký tài khoản		2		
18	Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành		2		
19	Công Dịch vụ công/Hệ thống thông tin một cửa điện tử		2		
20	Công thông tin quốc gia về quy hoạch		2		
II	Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia	Cục Quản lý đấu thầu	4	4/2020 (645/QĐ-BKHĐT ngày 29/4/2020)	Đáp ứng
21	Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia		4		
III	Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp	Cục Quản lý đăng ký kinh doanh	4	5/2020 (815/QĐ-BKHĐT ngày 25/5/2020)	Đáp ứng
22	Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp		4		
IV	Hệ thống thông tin về Thống kê	Tổng cục Thống kê	3	9/2021 (924/QĐ-TCTK ngày 01/9/2021)	Đáp ứng
23	Hệ thống giao Kế hoạch và chấm điểm thi đua		2		
24	Các phần mềm quản lý công tác tài chính và văn phòng		2		
25	Trang tin điện tử của Tổng cục Thống kê và các trang tin điện tử khác đặt tại Trung tâm		2		

STT	Tên Hệ thống thông tin	Đơn vị quản lý	Cấp độ an toàn	Thời gian xác định cấp độ - tháng/năm	Đáp ứng/Chưa đáp ứng về yêu cầu tối thiểu bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ
	máy chủ				
26	Trang tin điện tử của Cục Thống kê		2		
27	Các phần mềm xử lý kết quả điều tra khác		2		
28	Hệ thống Quản lý hồ sơ công chức, viên chức		2		
29	Phần mềm quản lý Thi đua - Khen thưởng		2		
30	Hệ thống kết nối chia sẻ dữ liệu với Tổng cục Thuế		3		
31	Hệ thống Thu điện tử		3		
32	Trung tâm dữ liệu tại 54 Nguyễn Chí Thanh		3		
33	Hệ thống mạng nội bộ toàn ngành		3		
34	Hệ thống xác thực điện tử		3		
35	Phần mềm thu thập và xử lý kết quả điều tra trực tuyến		3		
36	Trung tâm dữ liệu tại TTHTK khu vực II		3		
37	Trung tâm dữ liệu dự phòng tại TTHTK khu vực II		3		
38	Trung tâm dữ liệu tại TTHTK khu vực III		3		



Phụ lục II

**TÌNH HÌNH BỐ TRÍ KINH PHÍ CHO CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN
ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN NĂM 2021**

(Kèm theo Quyết định số 1394 /QĐ-BKHĐT ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Đơn vị chủ trì	Nhiệm vụ/dự án	Mục tiêu chính đầu tư	Tổng mức đầu tư (*)	Thời gian triển khai - hoàn thành	Nguồn vốn	Hiệu quả/Hiện trạng
I	DỰ ÁN						
1	Trung tâm Thông tin và dự báo kinh tế xã hội quốc gia	Xây dựng hệ thống phân tích và dự báo kinh tế xã hội		180.000		NSNN	
2	Tổng cục Thống kê	Xây dựng Hệ thống sản xuất thông tin thống kê điện tử		201.528	2021-2025	NSNN	Đang chuẩn bị đầu tư
3	Trung tâm Tin học	Xây dựng trung tâm nghiên cứu dữ liệu và năng lực điều hành hệ thống thông tin	Đầu tư hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng ứng dụng để xây dựng Trung tâm nghiên cứu dữ liệu và năng lực điều hành hệ thống thông tin của Bộ Kế hoạch và Đầu tư	220.000	2020-2023	NSNN	Đang triển khai thực hiện đầu tư
4	Trung tâm Tin học	Xây dựng Hệ thống thông tin và CSDLQG về đầu tư công	Đầu tư xây dựng mới Hệ thống thông tin và CSDLQG về đầu tư công phù hợp với Luật Đầu tư công mới năm 2019	60.000	2020-2023	NSNN	Đang triển khai chuẩn bị thực hiện đầu tư
5	Cục Quản lý đấu thầu	Ứng dụng thương mại điện tử trong mua sắm Chính phủ (theo hình thức đối tác công tư PPP)	Ứng dụng các tiến bộ của công nghệ thông tin, viễn thông để xây dựng, quản lý và vận hành bền vững Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia đảm bảo thống nhất quản lý thông tin về đấu thầu và thực hiện đấu	310.621	2020-2033	Vốn 100% nhà đầu tư	Đang triển khai thực hiện đầu tư

STT	Đơn vị chủ trì	Nhiệm vụ/dự án	Mục tiêu chính đầu tư	Tổng mức đầu tư (*)	Thời gian triển khai - hoàn thành	Nguồn vốn	Hiệu quả/Hiện trạng
			thầu qua mạng trên phạm vi toàn quốc				
6	Cục Đầu tư nước ngoài	Nâng cấp Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư		5,5 triệu USD	2021-2022	Nguồn vốn ODA Hàn Quốc	
7	Cục Phát triển doanh nghiệp	Xây dựng Hệ thống thông tin quốc gia về phát triển doanh nghiệp	Đầu tư xây dựng Hệ thống thông tin quốc gia về phát triển doanh nghiệp, ứng dụng CNTT trong các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, công bố thông tin doanh nghiệp nhà nước phù hợp với xu thế chuyên đổi số của Chính phủ và xây dựng nền kinh tế số trong giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030	40.000	2021-2023	NSNN	Đang chuẩn bị đầu tư
8	Trung tâm Tin học	Xây dựng Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch	Xây dựng Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch đáp ứng yêu cầu của Luật Quy hoạch		2021-2024	NSNN	Đang báo cáo xác định nguồn vốn cho dự án
II	NHIỆM VỤ						
1	Cục Quản lý đăng ký kinh doanh	Xây dựng Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hộ kinh doanh	Xây dựng Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hộ kinh doanh	20.000	2021-2023	Nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA)	Chưa thực hiện do chưa được viện trợ từ nguồn vốn ODA
2	Cục Quản lý đăng ký kinh doanh	Nâng cấp hạ tầng kỹ thuật của Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp	Nâng cấp hạ tầng kỹ thuật của Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp	70.000	2021-2023	Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của	Dự kiến thực hiện chuẩn bị đầu tư năm 2022, do đó, năm 2021 chưa bố trí kinh phí

STT	Đơn vị chủ trì	Nhiệm vụ/dự án	Mục tiêu chính đầu tư	Tổng mức đầu tư (*)	Thời gian triển khai - hoàn thành	Nguồn vốn	Hiệu quả/Hiện trạng
						Trung tâm Hỗ trợ nghiệp vụ Đăng ký kinh doanh, Cục Quản lý đăng ký kinh doanh	cho nhiệm vụ này.
3	Cục Quản lý đăng ký kinh doanh	<ul style="list-style-type: none"> - Duy trì, nâng cấp và phát triển Hệ thống TTQGĐKDN, hợp tác xã; + Nâng cấp, mở rộng phần mềm ứng dụng của Hệ thống TTQGĐKDN; + Nâng cấp, mở rộng phần mềm ứng dụng của Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã; + Thuê dịch vụ đường truyền cho Hệ thống TTQGĐKDN; + Thuê dịch vụ hạ tầng kỹ thuật cho Hệ thống TTQGĐKDN; + Thuê dịch vụ hỗ trợ người sử dụng cho Hệ thống TTQGĐKDN; + Thuê dịch vụ hỗ trợ duy trì và tối ưu CSDL Oracle của Hệ thống TTQGĐKDN; + Thuê dịch vụ rà soát, đánh giá và sửa lỗi bảo mật và an toàn thông tin cho Hệ thống TTQGĐKDN; + Mua sắm dịch vụ gia hạn hồ 	Đảm bảo sự hoạt động ổn định, liên tục của Hệ thống TTQGĐKDN, hợp tác xã và đáp ứng nhu cầu của người sử dụng	37.500	2021	Nguồn thu sự nghiệp và Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của Trung tâm Hỗ trợ nghiệp vụ Đăng ký kinh doanh, Cục Quản lý đăng ký kinh doanh	Đang thực hiện 02 nhiệm vụ "Thuê dịch vụ đường truyền cho Hệ thống TTQGĐKDN" và "Thuê dịch vụ hạ tầng kỹ thuật cho Hệ thống TTQGĐKDN"

STT	Đơn vị chủ trì	Nhiệm vụ/dự án	Mục tiêu chính đầu tư	Tổng mức đầu tư (*)	Thời gian triển khai - hoàn thành	Nguồn vốn	Hiệu quả/Hiện trạng
		trợ kỹ thuật, bảo hành, sử dụng cho các thiết bị phần cứng, phần mềm thương mại của Hệ thống TTQGĐKDN; + Mua sắm phần mềm thương mại cho Hệ thống Hệ thống TTQGĐKDN; - Xây dựng Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hộ kinh doanh; - Nâng cấp hạ tầng kỹ thuật của Hệ thống TTQGĐKDN.					
4	Cục Quản lý đấu thầu	Quản lý, kiểm thử, giám sát vận hành Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia năm 2021	Đảm bảo Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia được nâng cấp kịp thời, hoạt động thông suốt đáp ứng các thay đổi về chính sách, thực tế sử dụng của cơ quan quản lý, chủ đầu tư, bên mời thầu, các tổ chức, doanh nghiệp trong quá trình lựa chọn nhà thầu, lựa chọn nhà đầu tư qua mạng.	40.369	2021-2022	Nguồn thu sự nghiệp (Thu chi phí lựa chọn nhà thầu qua mạng)	Đang thực hiện

(*) Trong đó, kinh phí cho công tác bảo đảm ATTTM chiếm trên 10%.



Phụ lục III

DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN NĂM 2022

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1394/QĐ-BKHĐT ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Đơn vị chủ trì	Nhiệm vụ/dự án		Mục tiêu chính đầu tư	Thời gian triển khai - hoàn thành	Dự kiến tổng mức đầu tư	Nguồn vốn
		Mới	Chuyển tiếp				
I	DỰ ÁN						
1	Trung tâm Thông tin và dự báo kinh tế xã hội quốc gia		Xây dựng hệ thống phân tích và dự báo kinh tế xã hội			180.000	NSNN
2	Tổng cục Thống kê		Hệ thống sản xuất thông tin thống kê điện tử		2021-2025	201.528	NSNN
3	Trung tâm Tin học		Xây dựng trung tâm nghiên cứu dữ liệu và năng lực điều hành hệ thống thông tin	Đầu tư hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng ứng dụng để xây dựng Trung tâm nghiên cứu dữ liệu và năng lực điều hành hệ thống thông tin của Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2020-2023	220.000	NSNN
4	Trung tâm Tin học		Xây dựng Hệ thống thông tin và CSDLQG về đầu tư công	Đầu tư xây dựng mới Hệ thống thông tin và CSDLQG về đầu tư công phù hợp với Luật Đầu tư công mới năm 2019	2021-2023	60.000	NSNN
5	Cục Quản lý đấu thầu		Ứng dụng thương mại điện tử trong mua sắm Chính phủ (theo hình	Ứng dụng các tiên bộ của công nghệ thông tin, viễn	2020-2033	310.621	Vốn 100% nhà đầu tư

STT	Đơn vị chủ trì	Nhiệm vụ/dự án		Mục tiêu chính đầu tư	Thời gian triển khai - hoàn thành	Dự kiến tổng mức đầu tư	Nguồn vốn
			thức đối tác công tư PPP)	thông để xây dựng, quản lý và vận hành bền vững Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia đảm bảo thống nhất quản lý thông tin về đấu thầu và thực hiện đấu thầu qua mạng trên phạm vi toàn quốc			
6	Cục Đầu tư nước ngoài		Nâng cấp Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư		2021-2022	5,5 triệu USD	Nguồn vốn ODA Hàn Quốc
7	Cục Phát triển doanh nghiệp		Xây dựng Hệ thống thông tin quốc gia về phát triển doanh nghiệp	Đầu tư xây dựng Hệ thống thông tin quốc gia về phát triển doanh nghiệp, ứng dụng CNTT trong các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, công bố thông tin doanh nghiệp nhà nước phù hợp với xu thế chuyển đổi số của Chính phủ và xây dựng nền kinh tế số trong giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030	2021-2023	40.000	NSNN
8	Trung tâm Tin học	Xây dựng, triển khai Hệ thống thông tin và cơ sở	Xây dựng Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch	Xây dựng Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về	2023-2026	110.000	NSNN

STT	Đơn vị chủ trì	Nhiệm vụ/dự án		Mục tiêu chính đầu tư	Thời gian triển khai - hoàn thành	Dự kiến tổng mức đầu tư	Nguồn vốn
		dữ liệu quốc gia về quy hoạch		quy hoạch đáp ứng yêu cầu của Luật Quy hoạch			
9	Tổng cục Thống kê	Dự án Xây dựng và vận hành kho dữ liệu đặc tả thống kê và hệ thống kho dữ liệu thống kê vi mô			2022-2024	91.382	NSNN
10	Cục Quản lý đăng ký kinh doanh		Nâng cấp hạ tầng kỹ thuật của Hệ thống TTQGĐKDN	Nâng cấp hạ tầng kỹ thuật của Hệ thống TTQGĐKDN	2022-2023	80.000	Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của Trung tâm Hỗ trợ nghiệp vụ Đăng ký kinh doanh, Cục Quản lý đăng ký kinh doanh
II	NHIỆM VỤ						
1	Cục Quản lý đăng ký kinh doanh		- Duy trì, nâng cấp và phát triển Hệ thống TTQGĐKDN, hợp tác xã: + Nâng cấp, mở rộng phần mềm ứng dụng của Hệ thống TTQGĐKDN; + Nâng cấp, mở rộng phần mềm ứng dụng của Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã; + Thuê dịch vụ đường truyền cho Hệ thống	Đảm bảo sự hoạt động ổn định, liên tục của Hệ thống TTQGĐKDN, hợp tác xã và đáp ứng nhu cầu của người sử dụng	2022	32.500	Nguồn thu sự nghiệp và Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của Trung tâm Hỗ trợ nghiệp vụ Đăng ký kinh doanh, Cục Quản lý đăng ký kinh doanh

STT	Đơn vị chủ trì	Nhiệm vụ/dự án	Mục tiêu chính đầu tư	Thời gian triển khai - hoàn thành	Dự kiến tổng mức đầu tư	Nguồn vốn
		<p>TTQGĐKDN;</p> <ul style="list-style-type: none"> + Thuê dịch vụ hạ tầng kỹ thuật cho Hệ thống TTQGĐKDN; + Thuê dịch vụ hỗ trợ người sử dụng cho Hệ thống TTQGĐKDN; + Thuê dịch vụ hỗ trợ duy trì và tối ưu CSDL Oracle của Hệ thống TTQGĐKDN; + Thuê dịch vụ rà soát, đánh giá và sửa lỗi bảo mật và an toàn thông tin cho Hệ thống TTQGĐKDN; + Mua sắm dịch vụ gia hạn hỗ trợ kỹ thuật, bảo hành, sử dụng cho các thiết bị phần cứng, phần mềm thương mại của Hệ thống TTQGĐKDN; + Mua sắm phần mềm thương mại cho Hệ thống Hệ thống TTQGĐKDN; - Xây dựng Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hộ kinh doanh; - Nâng cấp hạ tầng kỹ thuật của Hệ thống TTQGĐKDN. 				